

Bản án số: 148/2023/HS-ST.
Ngày 17/11/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc Thanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Xuân Hưởng.

Bà Lý Thanh Thủy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Khánh Nguyệt – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thúy Vân và bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm, vụ án hình sự thụ lý số: 134/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Hoài T - Sinh ngày: 22/12/1993 tại tỉnh Phú Yên; Giới tính: Nữ.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã X, huyện D, tỉnh P. Nơi ở: Căn hộ 02.01 tòa nhà S106-The R-V, phường L, thành phố T, thành phố H. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Viết D - Sinh năm 1969 và bà Võ Thị G - Sinh năm 1972. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nguyễn Thị Hoài T bị bắt tạm giữ từ ngày 12/7/2022 đến ngày 05/01/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện đang được tại ngoại tại Thôn T, xã X, huyện D, tỉnh P, (*Có mặt*).

2. Họ và tên: Phạm Thị H - Sinh ngày: 02/9/1990 tại tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn G, xã V, thành phố L, tỉnh L; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn S (Đã chết) và bà Phạm Thị H - Sinh năm 1962. Bị cáo có chồng là Nguyễn Chí C - Sinh năm 1987. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2011, bé sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Phạm Thị H bị tạm giữ từ ngày 13/7/2022 đến ngày 05/01/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện đang được tại ngoại tại Thôn G, xã V, thành phố L, tỉnh L, (*Có mặt*).

3. Họ và tên: **Chống Ngọc P** - Sinh ngày: 30/01/1999, tại tỉnh Lâm Đồng; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 46, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Chống Cún N - Sinh năm 1971 và bà Vòng Tám M - Sinh năm 1975. Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Chống Ngọc P bị tạm giữ từ ngày 12/7/2022 đến ngày 05/01/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại Tổ 46, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, (Có mặt).

4. Họ và tên: **Nguyễn Trung Đ** - Sinh ngày: 30/12/1996, tại tỉnh Lào Cai. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Số nhà 088, đường Phan Trọng Tuệ, tổ 10, phường C, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Hải S - Sinh năm 1973 và bà Vũ Thị H - Sinh năm 1977. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nguyễn Trung Đ bị tạm giữ từ ngày 13/7/2022 đến ngày 05/01/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện đang được tại ngoại tại Số nhà 088, đường Phan Trọng Tuệ, tổ 10, phường C, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

5. Họ và tên: **Vũ Thị Ngọc B** - Sinh ngày: 22/12/1994 tại tỉnh Tuyên Quang; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 08, phường K, thành phố L. Nơi ở: Tổ 11, thị trấn B, huyện B, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Ngọc San - Sinh năm 1957 và bà Phạm Thị S - Sinh năm 1966. Bị cáo có chồng là Đặng Quang H - Sinh năm 1990. Bị cáo có 01 con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Vũ Thị Ngọc B bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2022, đến ngày đến ngày 21/7/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại tổ 11, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, (Có mặt).

6. Họ và tên: **Lê Thị Q** - Sinh ngày: 17/7/2001 tại tỉnh Yên Bái; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ dân phố số 10, thị trấn M, huyện V, tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn Công - Sinh năm 1976 và bà Vũ Thị Nhung - Sinh năm 1979. Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Lê Thị Q bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2022, đến ngày đến ngày 05/01/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ dân phố số 10, thị trấn M, huyện V, tỉnh Y, (Có mặt).

7. Họ và tên: **Nguyễn Thị Hương L** - Sinh ngày: 05/12/1999 tại tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 20, phường P, thành phố L, tỉnh L. Nơi ở: Số nhà 154, đường Nguyễn T, phường B, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Thế H - Sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1976. Bị cáo có chồng là Vi Văn Đ - Sinh năm 1991 (Đã ly hôn năm 2020). Bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nguyễn Thị Hương L được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Hiện đang được tại ngoại tại Số nhà 154, đường Nguyễn T, phường B, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

8. Họ và tên: Phạm Quang A - Sinh ngày: 10/6/2000, tại tỉnh Lào Cai. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Số nhà 419, đường Trần Đại N, tổ 11, phường C, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Văn Q - Sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị A - Sinh năm 1974. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Phạm Quang A bị tạm giữ từ ngày 13/7/2022 đến ngày 05/01/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện đang được tại ngoại tại Số nhà 419, đường Trần Đại N, tổ 11, phường C, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

9. Họ và tên: Hoàng Thị Minh P - Sinh ngày: 10/12/1996 tại tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 20, phường L, thành phố L, tỉnh L. Nơi ở: Số nhà 157, đường Nguyễn Cảnh C, phường P, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Đình Đ - Sinh năm 1973 và bà Đặng Thị L - Sinh năm 1974. Bị cáo có chồng là Quảng Mạnh L - Sinh năm 1993; Bị cáo có 01 con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Hoàng Thị Minh P được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Số nhà 157, đường Nguyễn Cảnh C, phường P, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

10. Họ và tên: Trần Xuân C - Sinh ngày: 19/02/1993 tại tỉnh Lào Cai. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn T 03, xã C, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn T - Sinh năm 1968 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1970. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T - Sinh năm 1995; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Trần Xuân C bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2022 đến ngày 05/01/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện đang được tại ngoại tại Thôn T 03, xã C, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

11. Họ và tên: Bàn Thị P - Sinh ngày: 07/8/1997 tại tỉnh Yên Bái; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bàn Phúc T - Sinh năm 1972 và bà Đặng Thị S - Sinh năm 1975. Bị cáo có chồng là Nông Thanh D - Sinh năm 2000; Bị cáo chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Bàn Thị P được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Y, (Có mặt).

12. Họ và tên: Hoàng Thị Tú A - Sinh ngày: 22/7/1999 tại tỉnh Phú Thọ. Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Xã B, huyện B, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn H - Sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị C - Sinh năm 1980. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

Tốt. Bị cáo Hoàng Thị Tú A được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Xã B, huyện B, tỉnh L, (Có mặt).

13. Họ và tên: Trần Thị H - Sinh ngày: 18/11/1992 tại tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 02, phường L, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn H - Sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1975. Bị cáo có chồng là Nguyễn Tự D - Sinh năm 1982; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Trần Thị H được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 02, phường L, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

14. Họ và tên: Lê Thị Thu H - Sinh ngày: 21/6/1999 tại tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú: Thôn N, Xã B, huyện B, tỉnh L. Nơi ở: Số nhà 001, đường Đ, phường L, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn T - Sinh năm 1967 và bà Vũ Thị L - Sinh năm 1975. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Lê Thị Thu H được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại số nhà 001, đường Đ, phường L, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

15. Họ và tên: Nguyễn Thế H - Sinh ngày: 21/10/2001, tại tỉnh Lào Cai. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 2A, thị trấn P, huyện B, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Thế H - Sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1976. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nguyễn Thế H bị tạm giữ từ ngày 13/7/2022 đến ngày 21/7/2022, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 2A, thị trấn P, huyện B, tỉnh L.

16. Họ và tên: Nguyễn Văn T - Sinh ngày: 05/9/1993, tại tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 04, phường C, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn C - Sinh năm 1968 và bà Vũ Thị C - Sinh năm 1975. Bị cáo có vợ là Trần Thị P - Sinh năm 1996; Bị cáo có 01 con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nguyễn Văn T được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 04, phường C, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

17. Họ và tên: Nông Thị L - Sinh ngày: 27/10/1997 tại tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh L. Nơi ở: Số nhà 069, đường N, phường K, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nông Văn Dịu - Sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Tầm - Sinh năm 1955. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nông Thị L được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại số nhà 069, đường N, phường K, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

18. Họ và tên: Đặng Văn N - Sinh ngày: 12/11/1993 tại tỉnh Lào Cai. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn G, xã Đ, thành phố L, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đặng Văn T - Sinh năm 1966 và bà Phạm Thị H - Sinh năm 1976. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thu H - Sinh năm 1995; Bị cáo chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Đặng Văn N được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Thôn G, xã Đ, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

19. Họ và tên: **Lê Hồng S** - Sinh ngày: 26/4/1998 tại tỉnh Phú Thọ; Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 04, phường H, thành phố T, tỉnh T. Nơi ở: Tổ 18, phường K, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Đình Kiên - Sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Sinh năm 1978. Bị cáo có vợ là Lý Thị Thu Thảo – Sinh năm 1998; Bị cáo chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Lê Hồng S được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 18, phường K, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

20. Họ và tên: **Nguyễn Trọng N** - Sinh ngày: 09/5/2003 tại tỉnh Lào Cai. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 04, phường D, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Thanh S - Sinh năm 1970 (Đã chết) và bà Phạm Thị T - Sinh năm 1976. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nguyễn Trọng N được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 04, phường D, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

21. Họ và tên: **Nguyễn Quang H** - Sinh ngày: 06/01/1998 tại tỉnh Yên Bái; Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 27, phường L, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Tiến D - Sinh năm 1967 và bà Nguyễn Ánh T - Sinh năm 1970. Bị cáo có vợ là Phan Thị N - Sinh năm 2000; Bị cáo có 01 con nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nguyễn Quang H được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 27, phường L, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

22. Họ và tên: **Nguyễn Xuân T** - Sinh ngày: 27/8/1995, tại tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 15, phường C, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Xuân L (Đã chết) và bà Đào Thị N - Sinh năm 1956. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nguyễn Xuân T được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 15, phường C, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

23. Họ và tên: **Nguyễn Phú Tường L** - Sinh ngày: 12/11/1996, tại thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Số 25/8/2 L, tổ 12, khu phố 2, phường 04, quận G, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Phong Phú - Sinh năm 1969 và bà Lê Thị Tường Oanh - Sinh năm 1968. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Nguyễn Phú Tường L được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Số 25/8/2, đường L, tổ 12, khu phố 2, phường 04, quận G, thành phố H, (Có mặt).

24. Họ và tên: **Võ Thị Mai P** - Sinh ngày: 02/12/2000, tại tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 10, thôn L, xã K, huyện C, tỉnh B. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Võ Hữu H - Sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị M - Sinh năm 1978. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Võ Thị Mai P được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 10, thôn L, xã K, huyện C, tỉnh B, (Có mặt).

25. Họ và tên: **Phan Thị Kim H** - Sinh ngày: 12/10/1992. tại tỉnh Ninh Thuận. Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phan Duy H - Sinh năm 1959 và bà Phạm Thị K - Sinh năm 1965. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Phan Thị Kim H được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh N, (Có mặt).

26. Họ và tên: **Nguyễn Thị Phương L** - Sinh ngày: 15/12/1996, tại tỉnh Lâm Đồng; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú: Số 103, thôn L, xã G, huyện D, tỉnh L. Nơi ở: Số nhà 314, đường L, phường 06, quận G, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Chí S - Sinh năm 1972 và bà Phạm Thị L - Sinh năm 1974. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nguyễn Thị Phương L được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Số nhà 314, đường L, phường 06, quận G, thành phố H, (Có mặt).

27. Họ và tên: **Vòng Kim L** - Sinh ngày: 16/9/2002 tại tỉnh Lâm Đồng; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 55, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vòng Súi Dưỡng - Sinh năm 1968 và bà Điều Thị Hồng Mai - Sinh năm 1972. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Vòng Kim L được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 55, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, (Có mặt).

28. Họ và tên: **Nguyễn Thị H** - Sinh ngày 22/4/2000, tại tỉnh Vĩnh Phúc; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn T 03, xã C, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Duy C - Sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1976. Bị cáo có chồng là Đặng Văn S - Sinh năm 1991; Bị cáo có 01 con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nguyễn Thị H được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Thôn T 03, xã C, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

29. Họ và tên: Nguyễn Thành T - Sinh ngày: 16/10/1998 tại tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 28, phường L, thành phố L, tỉnh L. Nơi ở: Tổ 08, phường D, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Trung Thành - Sinh năm 1975 và bà Cao Thị Huệ - Sinh năm 1978. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nguyễn Thành T được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 28, phường L, thành phố L, tỉnh L, *(Có mặt)*.

30. Họ và tên: Trần Thị P - Sinh ngày: 10/10/1996, tại tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 04, phường C, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn H - Sinh năm 1970 và bà Đặng Thị G - Sinh năm 1974. Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn T - Sinh năm 1993; Bị cáo có 01 con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Trần Thị P được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 04, phường C, thành phố L, tỉnh L, *(Có mặt)*.

31. Họ và tên: Hà Bích N - Sinh ngày: 30/11/1993 tại tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 11, phường C, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hà Đình Đ - Sinh năm 1969 (Đã chết) và bà Mai Hồng T - Sinh năm 1977. Bị cáo có chồng là Đỗ Đức C - Sinh năm 1989 (Đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Hà Bích N được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 11, phường C, thành phố L, tỉnh L, *(Có mặt)*.

32. Họ và tên: Lưu Ngọc G - Sinh ngày: 14/10/1989 tại tỉnh Tuyên Quang; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 08, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lưu Văn Cường - Sinh năm 1960 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Lâm - Sinh năm 1970. Bị cáo có chồng là Nguyễn Đức Thuận - Sinh năm 1986. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Lưu Ngọc G được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại tổ 08, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, *(Có mặt)*.

33. Họ và tên: Nông Thanh D - Sinh ngày: 17/11/2000, tại tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú: Bản M, xã T, huyện B, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nông Văn D - Sinh năm 1976 và bà Lương Thị H - Sinh năm 1980. Bị cáo chưa có vợ, là Bàn Thị P – Sinh năm 1997; Bị cáo chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 04/5/2020 Nông Thanh D bị Công an xã T, huyện B, tỉnh L, xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt số tiền 1.500.000VNĐ. Ngày 08/5/2020, Nông Thanh D đã chấp hành xong việc nộp phạt, đến nay đã được xóa tiền sự. Bị cáo

Nông Thanh D được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Bản M, xã T, huyện B, tỉnh L, (Có mặt).

34. Họ và tên: Hoàng Ngọc D - Sinh ngày: 09/01/1998, tại tỉnh Lào Cai. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 28, phường L, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Ngọc H - Sinh năm 1970 và bà Hà Thị H - Sinh năm 1977. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Hoàng Ngọc D được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 28, phường L, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

35. Họ và tên: Lê Thị Như H - Sinh ngày: 08/4/1998 tại tỉnh Tây Ninh; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú: Ấp V, xã P, huyện C, thành phố H. Nơi ở: Số 1327 Vườn L, phường A, quận 12, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn Êm - Sinh năm 1975 và bà Trần Thị Chói - Sinh năm 1977. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Lê Thị Như H được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại số 1327 Vườn L, phường A, quận 12, thành phố H, (Có mặt).

36. Họ và tên: Trần Thị H 1 - Sinh ngày: 01/12/2003, tại tỉnh Lâm Đồng; Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 28/7 xã H, huyện Đ, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Minh Trung - Sinh năm 1979 và bà Trương Thị Bích Thủy - Sinh năm 1981. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Trần Thị H 1 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại tổ 28/7, xã H, huyện Đ, tỉnh L,

37. Họ và tên: Bùi Thị Huyền T - Sinh ngày: 24/5/1999, tại tỉnh Lào Cai. Giới tính: Nữ. Nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh L. Nơi ở: Thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bùi Nam T - Sinh năm 1970 và bà Hứa Thị Hồng L - Sinh năm 1974. Bị cáo có chồng là Vũ Anh T – Sinh năm 1993. Bị cáo 01 con nhỏ sinh ngày 21/10/2023. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Bùi Thị Huyền T được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

38. Họ và tên: Nguyễn Hữu T - Sinh ngày: 23/11/1999 tại tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Tổ 11, phường L, thành phố L, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Hữu T - Sinh năm 1959 và bà Đinh Thị H - Sinh năm 1967. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo Nguyễn Hữu T được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại Tổ 11, phường L, thành phố L, tỉnh L, (Có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Quang H – Sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ 04, phường C, thành phố L, tỉnh L.

2. Anh Nguyễn Đình T – Sinh năm 1989;
Địa chỉ: Tổ 16, phường C, thành phố L, tỉnh L.
3. Anh Ngô Viết H – Sinh năm 1983;
Địa chỉ: Tổ 05, phường L, thành phố L, tỉnh L.
4. Anh Nguyễn Đắc C – Sinh năm 1992;
Địa chỉ: Tổ 05, phường K, thành phố L, tỉnh L.
5. Bà Nguyễn Thị Bích N – Sinh năm 1969;
Địa chỉ: Tổ 25, phường K, thành phố L, tỉnh L.
6. Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thị trấn P, huyện B, tỉnh L.
7. Ông Trương Văn T - Sinh năm 1977;
Địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố L, tỉnh L.
8. Chị Hoàng Thị H – Sinh năm 1981;
Địa chỉ: Tổ 03, phường N, thành phố L.
9. Chị Vũ Thị H – Sinh năm 1989;
Địa chỉ: Khu 1, xã Y, huyện T, tỉnh P.
10. Anh Trần Thế T – Sinh năm 1986;
Địa chỉ: Tổ 13, phường C, thành phố L, tỉnh L.
11. Anh Vũ Văn K – Sinh năm 1988;
Địa chỉ: Tổ 03, phường X, thành phố L, tỉnh L.
12. Chị Đinh Thị K – Sinh năm 1986;
Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ.
13. Chị Nông Thị L - Sinh năm 2000;
Địa chỉ: Xã B, huyện M, tỉnh L.
14. Chị Tàn Thị K – Sinh năm 1996;
Địa chỉ: Tổ 04, phường B, thành phố L, tỉnh L.
15. Anh Lê Văn N – Sinh năm 1982;
Địa chỉ: Tổ 06, phường L, thành phố L, tỉnh L.
16. Anh Lục Hà N – Sinh năm 1988;
Địa chỉ: Tổ 04, phường B, thành phố L, tỉnh L.
17. Anh Nguyễn Mạnh L – Sinh năm 1990;
Địa chỉ: Tổ 03, phường B, thành phố L, tỉnh L.
18. Ông Đinh Mạnh C – Sinh năm 1984;
Địa chỉ: Tổ 17, phường K, thành phố L, tỉnh L.
19. Chị Nguyễn Thị C – Sinh năm 1980;
Địa chỉ: Thôn H, xã V, thành phố L, tỉnh L.
20. Ông Phạm Đăng Q – Sinh năm 1974;
Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn B, huyện B, tỉnh L.
21. Bà Vũ Thị H – Sinh năm 1979;
Địa chỉ: Tổ 04, phường B, thành phố L, tỉnh L.
22. Ông Đỗ Toàn T – Sinh năm 1968;
Địa chỉ: Tổ 25, phường K, thành phố L, tỉnh L.
23. Ông Đậu Phương B – Sinh năm 1986;
Địa chỉ: Xã X, huyện B, tỉnh L.
24. Anh Võ Nguyễn Hoàng P – Sinh năm 1994;

Địa chỉ: Phường H, quận H, thành phố Đ.

(Chị Vũ Thị H có mặt, còn lại những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an tiếp nhận đơn của một số công dân tố cáo nhóm đối tượng gồm Nguyễn Thị Hoài T và Phạm Thị H có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thông qua các app vay tiền có tên “Vndong” và “Hitien”. Ngày 12/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Phạm Thị H, tại phòng 601, phòng 602 và phòng 603 tầng 06, số nhà 055, đường Hoàng Văn Thụ, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Tại phòng 601: Có 09 đối tượng gồm Hoàng Thị Tú A; Nguyễn Hữu T; Nguyễn Xuân T; Lê Thị Q; Hoàng Ngọc D; Nông Thị Thanh Hương; Nguyễn Thành T; Trần Thị H và Nguyễn Trung Đ, đang có hành vi sử dụng máy tính để đăng nhập vào các app cho vay tiền gồm “Zdong”, “Hvay”, “Vndong”, “Hitien” để nhắc nợ, giục nợ nhiều người vay tiền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã tiến hành thu giữ 05 máy tính nhãn hiệu Great Wall; 01 máy tính nhãn hiệu HP; 01 máy tính nhãn hiệu Lenovo; 05 máy tính xách tay bao gồm các nhãn hiệu Acer, HP, Lenovo, Dell; 01 máy chấm vân tay (Chấm công) nhãn hiệu ZKTECO K21; 01 mắt camera ký hiệu ezviz, bên trong có thẻ nhớ; một số tài liệu bằng giấy, sổ sách được niêm phong theo quy định. Tại phòng 602: Có 08 đối tượng gồm Nguyễn Thế H; Vũ Thị Ngọc B; Phạm Quang A; Nguyễn Thị Hương L; Vũ Bảo Huy; Nông Thanh D; Lê Thị Thu H; Hoàng Thị Minh P đang có hành vi sử dụng máy tính để đăng nhập vào các app cho vay tiền gồm “Zdong”, “Hvay”, “Vndong”, “Hitien” để nhắc nợ, giục nợ nhiều người vay tiền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã tiến hành thu giữ 03 máy tính nhãn hiệu Great Wall; 09 máy tính xách tay bao gồm các nhãn hiệu ASUS, HP, Lenovo, Dell. Tại phòng 603: Không phát hiện đối tượng nào đang làm việc, phát hiện và thu giữ 05 máy tính xách tay bao gồm các nhãn hiệu Lenovo, HP, DELL; 05 điện thoại di động đen trắng. Ngoài ra còn tạm giữ của các đối tượng một số đồ vật, tài sản sau: Tạm giữ của Phạm Thị H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu GALAXY S10, bên trong có gắn 02 sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, bên trong có gắn 02 sim điện thoại. Tạm giữ của Hoàng Thị Tú A: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12, bên trong có gắn sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, bên trong có gắn 01 sim điện thoại. Tạm giữ của Nguyễn Hữu T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S9+, bên trong có gắn 01 sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại. Tạm giữ của Nguyễn Xuân T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX, bên trong có gắn sim điện thoại. Tạm giữ của Lê Thị Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX, bên trong có gắn sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại. Tạm giữ của Hoàng Ngọc D: 01 điện thoại di

động nhãn hiệu IPHONE XSMAX, bên trong có gắn 01 sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5, bên trong có gắn 02 sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1034. Tạm giữ của Nông Thị Thanh Hương: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX. Tạm giữ của Nguyễn Thành T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASTEL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, bên trong có gắn 01 sim điện thoại. Tạm giữ của Trần Thị H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A52S5G, bên trong có gắn sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại. Tạm giữ của Nguyễn Trung Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX, bên trong có gắn sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại. Tạm giữ của Nguyễn Thế H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, bên trong có gắn sim điện thoại. Tạm giữ của Vũ Thị Ngọc B: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX, bên trong có gắn sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại. Tạm giữ của Phạm Quang A: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 2F màu tím, bên trong có gắn sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại. Tạm giữ của Nguyễn Thị Hương L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, bên trong có gắn sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, bên trong có gắn sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA. Tạm giữ của Vũ Bảo Huy: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X, bên trong điện thoại có gắn sim điện thoại. Tạm giữ của Nông Thanh D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại. Tạm giữ của Lê Thị Thu H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PRO Max, bên trong có gắn sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại. Tạm giữ của Hoàng Thị Minh P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại.

Cùng ngày 12/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ công an đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Thị H tại Thôn G, xã V, thành phố L, tỉnh L. Quá trình khám xét đã thu giữ một số đồ vật, tài sản sau: 01 túi nilon màu đỏ bên trong có 01 con dấu khắc chữ công ty TNHH Giải pháp và công nghệ Hưng Phát; 01 phong bì in dòng chữ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế, bên trong có 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên mã số doanh nghiệp 5300796670 do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lào Cai cấp; 01 thông báo về cơ quan thuế quản lý do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lào Cai ký ngày 20/7/2021; 01 hợp đồng dịch vụ lập ngày 15/7/2021; 01 điều lệ công ty TNHH Giải pháp và công nghệ Hưng Phát; 01 giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên; 01 bản sao thẻ căn cước công dân số 079095003831 mang tên Trần Tấn Chinh; 21 bộ hồ sơ cá nhân; 01 giấy cam kết trả nợ ngày 24/02/2021; 01 giấy thỏa thuận mua bán.

Ngày 12/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ công an đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị Hoài T tại căn hộ 02.01 tòa nhà S106 – The Rainbow – Vinhomes Grand Park, Nguyễn Xiển, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, quá trình khám xét đã thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X màu đỏ, bên trong có 02 sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu bạc, bên trong có 01 sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL màu đỏ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL màu đen; 02 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, Lenovo; 01 cuốn sổ tay có bìa màu vàng; 01 con dấu màu đỏ của công ty công nghệ thông tin STARWIN; 01 thẻ ngân hàng TECHCOMBANK mang tên Phạm Thị H; 05 thẻ ngân hàng TECHCOMBANK, ACB, SACOMBANK, VIETCOMBANK mang tên Nguyễn Thị Hoài T; 01 thẻ TIME ZONE; 01 thẻ đa năng của ngân hàng Đông Á Bank mang tên Nguyễn Thị Hoài T; 01 thẻ ngân hàng TECHCOMBANK mang tên YONG CAM KIU.

Ngày 12/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Chồng Ngọc P tại 354/89/26 Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, quá trình khám xét phát hiện có 09 đối tượng gồm: Chồng Ngọc P; Trần Thị H 1; Trương Thị Như Huyền; Nguyễn Thị Phương L; Nguyễn Phú Tường L; Võ Thị Mai P; Vòng Kim L; Lê Thị Như H; Phan Thị Kim H đang có hành vi sử dụng máy tính, điện thoại để tìm kiếm, tư vấn cho khách hàng vay tiền trên các app cho vay tiền “Hitien” và “Vndong”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã tiến hành tạm giữ của Chồng Ngọc P 01 máy tính xách tay, 05 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, MOBELL; 01 cuốn sổ bìa màu đen, bên ngoài sổ có chữ và số CK8; 01 cuốn sổ màu hồng nhạt và tím, ngoài bìa ghi tiếng, chữ Trung Quốc, bên trong có 19 trang đã viết chữ và số; 03 thẻ ngân hàng Vietcombank số 4524041859873773, ngân hàng MB số 4089041073053944, ngân hàng VPBank số 45411909584664734 mang tên Chồng Ngọc P; 01 thẻ ngân hàng mang tên Vòng Kim L số 5119570556555109; 01 hợp đồng thuê nhà giữa bên thuê nhà Chồng Ngọc P và bên cho thuê Lê Thị Phương Linh; Nhiều thẻ, vỏ sim và sim điện thoại đã qua sử dụng. Ngoài ra còn tạm giữ của các đối tượng một số đồ vật, tài sản sau: Tạm giữ của Trần Thị H 1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu tím, bên trong điện thoại có lắp thẻ sim điện thoại; 01 máy tính laptop màu đen nhãn hiệu HP. Tạm giữ của Lê Thị Như H: 01 máy tính laptop nhãn hiệu DELL; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong điện thoại có lắp 02 sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu đen. Tạm giữ của Vòng Kim L: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ACER màu đen; 01 laptop màu xám; 01 điện thoại di động loại bàn phím, bên trong có 02 sim điện thoại. Tạm giữ của Võ Thị Mai P: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu LENOVO màu trắng bạc. Tạm giữ của Phan Thị Kim H: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu LENOVO màu xám; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL màu xanh, bên trong có 02 sim điện thoại. Tạm giữ của Nguyễn Thị Phương L: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen, bên trong có 02 sim điện thoại. Tạm giữ của Nguyễn Phú Tường L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có 02 sim điện thoại; 01 máy tính xách tay

nhãn hiệu DELL. Tạm giữ của Trương Thị Như Huyền: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen, bên trong có 02 sim điện thoại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập các đối tượng có liên quan và tạm giữ các đồ vật, tài sản sau: Tạm giữ của Nguyễn Văn T 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS VIVO BOOK màu ghi xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX. Tạm giữ của Bàn Thị P 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bên trong có gắn sim điện thoại. Tạm giữ của Nguyễn Trọng N 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu bạc. Tạm giữ của Lưu Ngọc G 01 điện thoại di động nhãn hiệu XSMAX màu đen. Tạm giữ của Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro màu vàng, bên trong điện thoại có gắn sim điện thoại. Tạm giữ của Trần Thị P 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro Max màu xanh. Tạm giữ của Bùi Thị Huyền T 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro Max màu xám. Tạm giữ của Trần Xuân C 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S9+ màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có gắn sim điện thoại, 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có gắn 02 sim điện thoại, 01 máy tính nhãn hiệu GREAT WALL. Tạm giữ của Nguyễn Quang H 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu trắng. Tạm giữ của Lê Hồng S 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 PROMAX. Tạm giữ của Đặng Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S PLUS.

Quá trình điều tra đã xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến tháng 5/2021, các đối tượng có quốc tịch Trung Quốc bao gồm Trần, Dương, Đường, Qial Jia Yi (*Chưa xác định được nhân thân*) lập và quản lý 04 app cho vay tiền trên mạng xã hội gồm “Vndong”, “Hitien”, “Hvay”, “Zdong” nhằm mục đích cho các cá nhân sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Khi khách hàng có nhu cầu vay tiền thì phải tải phần mềm dạng ứng dụng (app) và cài đặt trên điện thoại di động, sau đó người vay tiền phải cung cấp đầy đủ thông tin để tạo tài khoản gồm: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân, số tài khoản ngân hàng, nghề nghiệp, nơi làm việc, ảnh chụp chân dung cùng giấy tờ tùy thân, đồng thời người vay tiền phải đồng ý cho phép ứng dụng có quyền truy cập danh bạ và các ứng dụng khác có trên điện thoại của người vay tiền. Khi nhận được đầy đủ thông tin từ người vay tiền, các đối tượng sẽ tiến hành thẩm định, xét duyệt hồ sơ vay, khoản vay ít nhất là số tiền 2.000.000VNĐ, khoản vay nhiều nhất là số tiền 7.000.000VNĐ. Thời hạn vay tiền của các gói vay đều là 07 ngày, lãi suất người vay phải chịu là 5,7%/ngày, tương ứng với 174,25%/tháng, tương ứng với 2.091%/năm (*Gấp 104 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự*). Nếu quá hạn không thanh toán, người vay sẽ phải chịu lãi là 60.000VNĐ/01 triệu đồng/01 ngày và đến khi nào tiền lãi bằng với số tiền gốc mà người vay đã vay tiền thì phần mềm sẽ tự dừng lại, không cộng thêm tiền lãi nữa. Khi tiến hành giải ngân, người vay chỉ nhận được 59,9% giá trị số tiền đối với từng khoản vay khách hàng đã đăng ký, cụ thể:

Đối với khoản vay 2.000.000VNĐ, người vay chỉ nhận được số tiền 1.198.000VNĐ (App tự trừ tiền phí và lãi suất là 802.000VNĐ).

Đối với khoản vay 3.000.000VNĐ, người vay chỉ nhận được số tiền 1.797.000VNĐ (App tự trừ tiền phí và lãi suất là 1.203.000VNĐ).

Đối với khoản vay 3.500.000VNĐ, người vay chỉ nhận được số tiền 2.096.500VNĐ (App tự trừ tiền phí và lãi suất là 1.403.500VNĐ).

Đối với khoản vay 4.000.000VNĐ, người vay chỉ nhận được số tiền 2.396.000VNĐ (App tự trừ tiền phí và lãi suất là 1.604.000VNĐ).

Đối với khoản vay 5.000.000VNĐ, người vay chỉ nhận được số tiền 2.995.000VNĐ (App tự trừ tiền phí và lãi suất là 2.005.000).

Đối với khoản vay 6.000.000VNĐ, người vay chỉ nhận được số tiền 2.594.000VNĐ (App tự trừ tiền phí và lãi suất là 2.406.000VNĐ).

Đối với khoản vay 7.000.000VNĐ, người vay chỉ nhận được số tiền 4.193.000VNĐ (App tự trừ tiền phí và lãi suất là 2.807.000VNĐ).

Để thực hiện việc chuyển tiền cho vay và nhận tiền từ người vay trả, các đối tượng Trung Quốc đã ký hợp đồng với các công ty có chức năng trung gian thanh toán để giúp thanh toán tự động, bao gồm: Công ty TNHH Funmobi Việt Nam; Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hưng Thịnh Việt Nam; Công ty cổ phần Appotapay và Công ty cổ phần kho số Việt Nam. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày vay tiền, khách hàng sẽ phải trả đầy đủ số tiền đã vay vào một trong số các tài khoản ngân hàng của các công ty có chức năng trung gian thanh toán. Tài khoản Virtual Account, là tài khoản định danh cấp cho mỗi khách hàng khi cài đặt ứng dụng. Tài khoản ngân hàng Bản Việt của các app, app “Hitien” có số tài khoản 99900030186523, app “Vndong” có số tài khoản 99900030186522, app “Zdong” có số tài khoản 99900030186518, app “Hvay” có số tài khoản 99900030186524. Khi đến gần thời hạn trả nợ, nhân viên nhóm thu hồi nợ sẽ điện thoại nhắc nhở người vay phải trả tiền đúng hạn. Nếu đến hạn trả nợ mà người vay chưa trả nợ thì nhân viên thu hồi nợ sẽ điện thoại cho những người có tên trong danh bạ điện thoại của người vay tiền gồm gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, đe dọa, chửi bới và yêu cầu những người này phải bảo người vay tiền trả nợ, vì tâm lý sợ xấu hổ nên người vay tiền phải chuyển tiền trả nợ.

Thực hiện việc cho vay tiền qua 04 app, các đối tượng người Trung Quốc đã thuê Nguyễn Thị Hoài T, Chồng Ngọc P và Phạm Thị H thực hiện các nhiệm vụ nhất định và chia hoạt động ra thành 02 nhóm. Các nhóm làm việc sử dụng máy tính và điện thoại được cấp trao đổi trên mạng Zalo và Wechat, không biết công việc của nhau, làm việc ở địa điểm khác nhau, cụ thể:

Nhóm tìm kiếm người vay, xét duyệt hồ sơ vay do Nguyễn Thị Hoài T và Chồng Ngọc P trực tiếp quản lý, điều hành, trong đó: Chồng Ngọc P có nhiệm vụ quản lý nhóm tìm kiếm, thẩm định hồ sơ khách hàng vay tiền đối với 02 app “Vndong”, “Hitien”, làm việc tại số 354/86/26 Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, bộ phận này bao gồm các nhân viên Vòng Kim L, Nguyễn Thị Phương L, Nguyễn Phú Tường L, Phan Thị Kim H, Lê Thị Như H, Trần Thị H 1 và Võ Thị Mai P với mức lương là 7.000.000VNĐ/tháng (Trong đó có 1.000.000VNĐ tiền chuyên cần nếu nhân viên đi làm đủ các ngày trong tháng). Đối với mỗi hồ sơ khách vay tiền lần đầu thành công, nhân viên tư vấn sẽ được thưởng 10.000VNĐ/01 hồ sơ. Sau khi được nhận vào làm việc, mỗi nhân viên sẽ được Chồng Ngọc P giao 01 máy tính, 01 điện thoại di động đã lắp

sẵn 02 sim điện thoại, 01 tài khoản, mật khẩu để tìm kiếm khách hàng. Hàng ngày các đối tượng Trung Quốc sẽ cung cấp dữ liệu (*Số điện thoại của người cần vay tiền*) qua ứng dụng Zalo “Ngọc Phụng” cho Chồng Ngọc P, sau đó Chồng Ngọc P sẽ chia các dữ liệu này cho nhân viên để gọi điện tìm kiếm khách hàng (*Trung bình mỗi nhân viên được phân công gọi điện tìm kiếm khách hàng từ 170 – 180 số điện thoại/ngày*). Các nhân viên có thể gọi tìm kiếm khách hàng bằng hệ thống NXPHONE đã được cài đặt sẵn trên máy tính của từng người, để cài đặt ứng dụng này, các đối tượng người Trung Quốc đã gửi link ứng dụng NXPHONE qua Zalo cho Chồng Ngọc P, sau đó Chồng Ngọc P gửi lên nhóm Zalo để các nhân viên tải về máy sử dụng, mỗi máy có một tài khoản và mật khẩu riêng. Sau khi các nhân viên tư vấn thành công, khách hàng gửi đầy đủ thông tin và được Chồng Ngọc P đồng ý, Nguyễn Thị Hoài T sẽ là người xét duyệt lần cuối các khoản vay để quyết định có chấp thuận việc giải ngân hay không, đồng thời Nguyễn Thị Hoài T là người quản lý 04 số điện thoại hotline chăm sóc khách hàng của 04 app và quyết định việc tuyển dụng nhân viên. Thời gian làm việc hàng ngày từ 09 giờ sáng đến 18 giờ cùng ngày, nếu không đạt chỉ tiêu thì nhân viên sẽ phải tăng ca hoặc bị trừ vào lương hàng tháng. Để quản lý công việc của nhân viên, Chồng Ngọc P đã tham gia nhiều nhóm Zalo để phục vụ công việc, cụ thể: Nhóm “*Thẩm định Hitien không sếp*”, “*Thẩm định Vndong không sếp*”, 02 nhóm này bao gồm tất cả các nhân viên được giao nhiệm vụ của từng app, nhóm “*Thẩm định Hi Vn có sếp*” bao gồm tất cả nhân viên và 02 người sử dụng 02 tài khoản Zalo “*Khongcanten*”, “*Oldman*”, hàng tháng Chồng Ngọc P là người chấm công cho các nhân viên và gửi cho các đối tượng Trung Quốc xét duyệt. Tiền lương, tiền thưởng của nhân viên được các đối tượng Trung Quốc chuyển vào tài khoản ngân hàng của Chồng Ngọc P, sau đó Chồng Ngọc P sẽ thanh toán cho từng nhân viên vào ngày mùng 05 hàng tháng. Chồng Ngọc P sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để nhận tiền thuê nhà cũng như các chi phí phát sinh khác do các đối tượng Trung Quốc chuyển đến để duy trì hoạt động của văn phòng. Quá trình thực hiện công việc, Nguyễn Thị Hoài T nhận thức được rằng cả 04 app vay tiền “*Vndong*”, “*Hvay*”, “*Hitien*”, “*Zdong*” có mối liên hệ với nhau do cùng chung một nhóm đối tượng Trung Quốc thành lập, quản lý. Chồng Ngọc P và các nhân viên làm việc tại văn phòng số 354/86/26 Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh chỉ nhận thức được sự tồn tại và mối liên hệ của 02 app “*Vndong*”, “*Hitien*”, không biết hệ thống còn 02 app vay tiền là “*Hvay*” và “*Zdong*”. Nguyễn Thị Hoài T, Chồng Ngọc P, Vòng Kim L, Nguyễn Thị Phương L, Nguyễn Phú Tường L, Phan Thị Kim H, Lê Thị Như H, Trần Thị H 1 và Võ Thị Mai P đều nhận thức được hành vi của mình là giúp sức cho hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của các đối tượng người Trung Quốc, nhưng do dịch bệnh Covid không có công việc làm nên vẫn cố ý thực hiện nhằm hưởng tiền lương và tiền thưởng.

Nhóm nhắc nợ và thu hồi nợ do Phạm Thị H là người trực tiếp quản lý, điều hành, làm việc tại phòng 601, 602 tầng 06, số nhà 055, đường Hoàng Văn Thụ, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Nhóm nhắc nợ, thu hồi nợ được chia làm 02 nhóm, cụ thể: Nhóm thu hồi nợ đúng hạn gồm 02 tổ: Tổ 01

phụ trách các app Vndong và Hvay do Vũ Thị Ngọc B làm tổ trưởng, gồm các nhân viên Nguyễn Thế H, Phạm Quang A, Vũ Bảo Huy ngồi ở phòng 602; Tổ 02 phụ trách các app Hitien và Zdong do Lê Thị Q làm tổ trưởng, gồm các nhân viên Hoàng Thị Tú A, Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Thị Hương L ngồi ở phòng 601; Nhóm thu hồi nợ quá hạn của cả 04 app Vndong, Hvay, Hitien và Zdong do Nguyễn Trung Đ phụ trách, gồm các nhân viên Nguyễn Hữu T, Hoàng Ngọc D, Lê Thị Thu H, Nông Thanh D, Hoàng Thị Minh P, Trần Thị H, Nguyễn Trọng N ngồi ở phòng 601. Các nhân viên của 02 nhóm trên đều được Phạm Thị H trực tiếp tuyển dụng vào làm việc nhưng không ký hợp đồng lao động với mức lương là 7.000.000VNĐ/tháng (*Trong đó có 1.000.000VNĐ tiền hỗ trợ ăn và 1.000.000VNĐ tiền chuyên cần nếu nhân viên đi làm đủ 26 ngày/tháng*). Khi vào làm việc, mỗi nhân viên sẽ được Phạm Thị H giao máy tính, điện thoại di động đã lắp sẵn 01 hoặc 02 sim điện thoại, 01 tài khoản, mật khẩu để đăng nhập vào app cho vay tiền được giao, thời gian làm việc hàng ngày buổi sáng từ 08 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 12 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút, nếu không đạt chỉ tiêu thì nhân viên sẽ phải tăng ca đến 19 giờ cùng ngày. Hàng ngày, người phụ nữ Trung Quốc sẽ giao nhiệm vụ cho từng người bằng tiếng Trung Quốc gửi Phạm Thị H để dịch và chuyển cho các nhân viên, đối với nhân viên nhắc nợ thì hàng ngày được giao đòi nợ từ 90 đến 120 khách vay/app, đối với các nhân viên thu hồi nợ thì hàng ngày được giao đòi nợ từ 30 đến 40 khách vay/app. Căn cứ vào tiến độ và chất lượng công việc của từng nhân viên nhân viên để xem xét quyết định tiền thưởng. Sau khi kết thúc thời gian làm việc, mỗi nhân viên sẽ có trách nhiệm báo tiến độ công việc trong ngày lên nhóm để các nhóm trưởng và Phạm Thị H tổng hợp báo cáo người phụ nữ Trung Quốc. Phạm Thị H đã lập nhiều nhóm Zalo để phục vụ công việc, cụ thể: Nhóm “*Báo cáo thu hồi hằng ngày*”, nhóm này bao gồm tất cả nhân viên và những người chủ Trung Quốc. Nhóm “*Thống kê*” gồm Phạm Thị H, Vũ Thị Ngọc B, Lê Thị Q, Nguyễn Trung Đ và người nữ giới Trung Quốc. Các nhóm “*Zdong đúng hạn*”, “*Hvay đúng hạn*”, “*Hitien đúng hạn*”, “*Vndong đúng hạn*”, “*Hvay quá hạn*”, “*Zdong quá hạn*”, “*Vndong quá hạn*”, “*Hitien quá hạn*”, thành viên gồm Phạm Thị H, người nữ giới Trung Quốc các nhân viên, nhóm trưởng được giao nhiệm vụ tương ứng ở từng nhóm quản lý thực hiện công việc nhắc nợ, đòi nợ. Đến ngày mùng 02, mùng 03 hàng tháng, đối tượng Jill người Trung Quốc sẽ tính tiền thưởng của từng nhân viên sau đó gửi toàn bộ tiền lương, tiền thưởng của nhân viên sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng VPBank số 218562302 của Phạm Thị H để thanh toán cho từng nhân viên, tiền lương chuyển vào ngày mùng 5 hàng tháng, tiền thưởng chuyển vào ngày mùng 10 hàng tháng. Phạm Thị H còn sử dụng tài khoản ngân hàng VPBank số 218562302 để nhận tiền thuê nhà, phí dịch vụ Internet cũng như các chi phí phát sinh khác do người phụ nữ Trung Quốc chuyển đến để duy trì hoạt động của văn phòng. Ngoài số người đang làm việc tại văn phòng 601, 602 tầng 06, số nhà 055, đường Hoàng Văn Thụ, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, còn có 03 người được Phạm Thị H đồng ý làm công việc nhắc nợ, đòi nợ tại nhà không đến làm việc tại văn phòng, gồm: Nguyễn Trọng N, Hà Công Hiếu và Nguyễn Văn T. Trong quá trình thực hiện công việc nhắc nợ, đòi nợ tại số nhà 055,

đường Hoàng Văn Thụ, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai còn có 21 cá nhân đã từng làm việc sau đó xin nghỉ, cụ thể: Trần Thị P; Lê Hồng S; Bàn Thị P; Nguyễn Văn T; Nguyễn Thị H; Nguyễn Quang H; Đặng Văn N; Bùi Thị Huyền T; Trần Xuân C; Lưu Ngọc G; Nông Thị L; Đào Anh Tuấn; Sền Ngọc Thủy; Lương Thị Khuyên; Nguyễn Thị Ngọc Trâm; Lâm Thùy Dung; Hoàng Hữu Huy; Vi Thị Hợp; Giàng Văn Thiển; Bùi Kiều Trang; Sý Thị Hoán. Quá trình thực hiện các công việc do Phạm Thị H phân công, tất cả các nhân viên đều nhận thức được nhiệm vụ nhắc nợ, đòi nợ của cả 04 app cho vay tiền là “Vndong”, “Hvay”, “Hitien”, “Zdong” là giúp sức cho hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của các đối tượng người Trung Quốc, nhưng do dịch bệnh Covid không có công việc làm nên vẫn cố ý thực hiện nhằm hưởng tiền lương và tiền thưởng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã làm rõ trong thời gian từ ngày 15/5/2020 đến ngày 06/7/2022, 03 app cho vay tiền gồm “Vndong”, “Hitien” và “Zdong” đã cho 24 người vay tiền cụ thể:

1. Anh **Nguyễn Quang H**, trong thời gian từ ngày 02/10/2020 đến ngày 04/3/2021, Nguyễn Quang H đã 06 lần vay tiền của app “Hitien” với tổng số tiền là 25.500.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 16.329.500VNĐ, số tiền lãi phải trả là 9.170.500VNĐ. Các khoản vay có mức lãi suất $5,01\%/ngày = 1.828,65\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 91,43 lần. Nguyễn Quang H đã trả xong 05 khoản vay. Đối với khoản vay ngày 04/3/2021 số tiền vay là 5.500.000VNĐ, số tiền thực nhận về tài khoản là 3.349.000VNĐ, số tiền lãi là 2.150.500VNĐ Nguyễn Quang H chưa thanh toán. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 05 khoản vay của Nguyễn Quang H là 76.712VNĐ. Số tiền app “Hitien” đã thu lợi bất chính từ các khoản vay của Nguyễn Quang H là 6.943.288VNĐ.

2. **Nguyễn Đình T**, trong thời gian từ ngày 25/8/2021 đến ngày 20/9/2021, Nguyễn Đình T đã 05 lần vay tiền của app “Vndong” với tổng số tiền 20.000.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 12.180.000VNĐ, số tiền lãi phải trả là 7.820.000VNĐ, các khoản vay đều có mức lãi suất $5,59\%/ngày = 2.040,35\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 102 lần, Nguyễn Đình T đã trả xong 04 khoản vay. Đối với khoản vay ngày 20/9/2021 số tiền 5.000.000VNĐ, số tiền thực nhận về tài khoản là 3.045.000VNĐ, số tiền lãi là 1.955.000VNĐ Nguyễn Đình T chưa trả. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 04 khoản vay của Nguyễn Đình T là 57.534VNĐ. Số tiền app “Vndong” đã thu lợi bất chính từ các khoản vay của Nguyễn Đình T là 5.807.466VNĐ.

3. **Ngô Viết H**, trong thời gian từ ngày 22/11/2021 đến ngày 10/12/2021, Ngô Viết H đã 04 lần vay tiền của app “Vndong” với tổng số tiền 15.000.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 8.985.000VNĐ, số tiền lãi là 6.015.000VNĐ. Các khoản vay đều có mức lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần, Ngô Viết H đã trả

xong 04 khoản vay, theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 04 khoản vay của Ngô Viết H là 57.534VNĐ. Số tiền app “Vndong” đã thu lợi bất chính từ các khoản vay của Ngô Viết H là 5.957.466VNĐ.

4. **Nguyễn Thị Bích N**, trong thời gian từ ngày 25/10/2021 đến ngày 22/11/2021, Nguyễn Thị Bích N đã 05 lần vay tiền của app “Vndong” với tổng số tiền 20.000.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 11.980.000VNĐ, số tiền lãi là 8.020.000VNĐ. Các khoản vay đều có mức lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần, Nguyễn Thị Bích N đã trả xong 05 khoản vay. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 05 khoản vay của Nguyễn Thị Bích N là 76.712VNĐ. Số tiền app “Vndong” đã thu lợi bất chính từ các khoản vay của Nguyễn Thị Bích N là 7.943.288VNĐ.

5. **Nguyễn Đắc C**, trong thời gian từ ngày 15/5/2020 đến ngày 25/9/2020, Nguyễn Đắc C đã 08 lần vay tiền của app “Hitien” với tổng số tiền 38.000.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 24.662.000VNĐ, số tiền lãi là 13.338.000VNĐ, 08 khoản vay đều có mức lãi suất $5,01\%/ngày = 1.828,65\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 91,4 lần, Nguyễn Đắc C đã trả xong 08 khoản vay. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 08 khoản vay của Nguyễn Đắc C là 145.753VNĐ. Số tiền app “Hitien” đã thu lợi bất chính từ các khoản vay của Nguyễn Đắc C là 13.192.247VNĐ.

6. **Nguyễn Văn T**, trong thời gian từ ngày 30/3/2022 đến ngày 06/7/2022, Nguyễn Văn T đã 11 lần vay tiền của app “Hitien” với tổng số tiền 56.000.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 33.544.000VNĐ, số tiền lãi là 22.456.000VNĐ, 11 khoản vay đều có mức lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần, Nguyễn Văn T đã trả xong 11 khoản vay. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 11 khoản vay của Nguyễn Văn T là 214.795VNĐ. Số tiền app “Hitien” đã thu lợi bất chính từ các khoản vay của Nguyễn Văn T là 22.241.205VNĐ.

7. **Trương Văn T**, ngày 19/12/2021, Trương Văn T đã 01 lần vay tiền của app “Zdong” với số tiền 3.000.000VNĐ, thời hạn trả của khoản vay là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 1.797.000VNĐ, số tiền lãi là 1.203.000VNĐ, khoản vay có lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần, Trương Văn T chưa trả khoản vay trên nên app “Zdong” chưa thu lợi bất chính từ khoản vay của Trương Văn T.

8. **Hoàng Thị H**, trong thời gian từ ngày 25/02/2022 đến ngày 03/3/2022, Hoàng Thị H đã 02 lần vay tiền của app “Vndong” với tổng số tiền 7.500.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 3.893.500VNĐ, số tiền lãi là 2.606.500VNĐ, 02 khoản vay đều có mức lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần, Hoàng Thị H đã trả xong 02 khoản vay. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 02 khoản vay của

Hoàng Thị H là 24.932VNĐ. Số tiền app “Vndong” đã thu lợi bất chính từ khoản vay của Hoàng Thị H là 2.581.568VNĐ.

9. **Vũ Thị H**, trong thời gian từ ngày 28/02/2022 đến ngày 29/3/2022, Vũ Thị H đã 05 lần vay tiền của app “Vndong” với tổng số tiền 20.000.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 11.979.000VNĐ, số tiền lãi là 8.021.000VNĐ, 05 khoản vay đều có lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần, Vũ Thị H đã trả xong 05 khoản vay. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 05 khoản vay của Vũ Thị H là 76.712VNĐ. Số tiền app “Vndong” đã thu lợi bất chính từ các khoản vay của Vũ Thị H là 7.944.288VNĐ.

10. **Trần Thế T**, trong thời gian từ ngày 03/7/2020 đến ngày 03/12/2020, Trần Thế T đã 16 lần vay tiền của app “Hitien” với tổng số tiền 68.500.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 44.456.500VNĐ, số tiền lãi là 24.043.500VNĐ, 16 khoản vay đều có lãi suất $5,01\%/ngày = 1.828,65\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 91,43 lần, Trần Thế T đã trả xong 16 khoản vay. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 16 khoản vay của Nguyễn Văn T là 262.740VNĐ. Số tiền app “Hitien” đã thu lợi bất chính từ các khoản vay của Trần Thế T là 23.780.760VNĐ.

11. **Vũ Văn K**, trong thời gian từ ngày 05/4/2021 đến ngày 28/4/2021, Vũ Văn K đã 04 lần vay tiền của app “Hitien” với tổng số tiền 15.000.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 9.135.000VNĐ, số tiền lãi là 5.865.000VNĐ, 04 khoản vay đều có lãi suất $5,59\%/ngày = 2.040,35\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 102 lần, Vũ Văn K đã trả xong. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 04 khoản vay của Vũ Văn K là 57.534VNĐ. Số tiền app “Hitien” đã thu lợi bất chính từ các khoản vay của Nguyễn Đình T là 5.807.466VNĐ.

12. **Đinh Thị K**, trong thời gian từ ngày 17/8/2021 đến ngày 27/12/2021, Đinh Thị K đã 22 lần vay tiền của app “Vndong” với tổng số tiền 136.000.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 81.914.000VNĐ, số tiền lãi là 54.086.000VNĐ, 09 khoản vay có lãi suất $5,59\%/ngày = 2.040,35\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 102 lần, 13 khoản vay có lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần. Trong 22 lần vay tiền, Đinh Thị K đã thanh toán xong 21 lần, còn lần vay tiền ngày 27/12/2022 số tiền 7.000.000VNĐ, số tiền thực nhận về tài khoản là 4.193.000VNĐ, số tiền lãi là 2.807.000VNĐ, Đinh Thị K chưa thanh toán. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 21 lần vay tiền của Đinh Thị K là 494.795VNĐ. Số tiền app “Vndong” đã thu lợi bất chính từ 21 khoản vay của Đinh Thị K là 50.784.205VNĐ.

13. **Nông Thị L**, trong thời gian từ ngày 14/5/2021 đến ngày 13/6/2021, Nông Thị L đã 05 lần vay tiền của app “Hitien” với tổng số tiền 20.000.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực

nhận về tài khoản là 12.180.000VNĐ, số tiền lãi là 7.820.000VNĐ, 05 khoản vay có lãi suất $5,59\%/ngày = 2.040,35\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 102 lần. Trong 05 lần vay tiền, Nông Thị L đã thanh toán xong 04 lần vay tiền, còn lần vay tiền ngày 13/6/2021 số tiền 5.000.000VNĐ, số tiền thực nhận về tài khoản là 3.045.000VNĐ, số tiền lãi là 1.955.000VNĐ, Nông Thị L chưa thanh toán. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 04 lần vay tiền của Nông Thị L là 57.534VNĐ. Số tiền app “Hitien” đã thu lợi bất chính từ 04 khoản vay của Nông Thị L là 5.807.466VNĐ.

14. **Tàn Thị Kim O**, trong thời gian từ ngày 04/6/2022 đến ngày 01/7/2022, Tàn Thị Kim O đã 05 lần vay tiền của app “Vndong” và 05 lần vay tiền của app “Hitien” với tổng số tiền 40.000.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 23.960.000VNĐ, số tiền lãi là 16.040.000VNĐ, 10 khoản vay đều có mức lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần. Tàn Thị Kim O đã thanh toán xong số tiền 10 lần vay. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 10 lần vay tiền của Tàn Thị Kim O là 153.424VNĐ. Số tiền app “Vndong” và app “Hitien” đã thu lợi bất chính từ 10 khoản vay của Tàn Thị Kim O là 15.886.576VNĐ.

15. **Lê Văn N**, ngày 23/10/2020, Lê Văn N đã vay số tiền 2.000.000VNĐ của app “Vndong”, thời hạn trả của khoản vay là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 1.298.000VNĐ, số tiền lãi là 702.000VNĐ, lãi suất của khoản vay này $5,01\%/ngày = 1.828,65\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 91,43 lần. Lê Văn N đã thanh toán xong. Theo quy định số tiền lãi được thu đối với số tiền Lê Văn N vay là 7.671VNĐ. Số tiền app “Vndong” đã thu lợi bất chính từ khoản vay của Lê Văn N là 694.329VNĐ.

16. **Lục Hà N**, trong thời gian từ ngày 11/01/2021 đến ngày 06/02/2021, Lục Hà N đã 04 lần vay tiền của app “Vndong” với tổng số tiền 15.000.000VNĐ, thời hạn trả của 03 khoản vay là 07 ngày và 01 khoản vay là 15 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 8.877.000VNĐ, số tiền lãi là 6.123.000VNĐ, 03 khoản vay có mức lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần, 01 khoản vay có mức lãi suất $2,83\%/ngày = 1.032,95\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 51,65 lần. Lục Hà N đã thanh toán xong số tiền vay 04 lần. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 04 lần vay tiền của Lục Hà N là 77.260VNĐ. Số tiền app “Vndong” đã thu lợi bất chính từ 04 khoản vay của Lục Hà N là 6.045.740VNĐ.

17. **Nguyễn Mạnh L**, trong thời gian từ ngày 08/01/2022 đến ngày 04/7/2022, Nguyễn Mạnh L đã 31 lần vay tiền của app “Vndong” và “Hitien” với tổng số tiền 184.000.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay đều là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 110.216.500VNĐ, số tiền lãi là 73.783.500VNĐ, trong đó 31 khoản vay đều có mức lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần. Trong 31 lần vay tiền, Nguyễn Mạnh L đã thanh toán xong 30 lần vay tiền, còn lần vay tiền ngày 04/7/2022 số tiền 7.000.000VNĐ, số tiền thực nhận về tài khoản là 4.193.000VNĐ, số tiền lãi là 2.807.000VNĐ, Nguyễn

Mạnh L chưa thanh toán. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 30 lần vay tiền của Nguyễn Mạnh L là 678.904VNĐ. Số tiền app “Vndong” và app “Hitien” đã thu lợi bất chính từ 30 khoản vay của Nguyễn Mạnh L là 70.297.596VNĐ.

18. **Đinh Mạnh C**, ngày 06/7/2022, Đinh Mạnh C đã vay tiền của app “Hitien” với số tiền 3.000.000VNĐ, thời hạn trả của khoản vay là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 1.797.000VNĐ, số tiền lãi là 1.203.000VNĐ, khoản vay có lãi suất 5,73%/ngày = 2.091,45%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần, Đinh Mạnh C chưa trả khoản vay nên app “Hitien” chưa thu lợi bất chính từ khoản vay của Đinh Mạnh C.

19. **Nguyễn Thị C**, ngày 06/6/2022, Nguyễn Thị C đã vay tiền của app “Vndong” với số tiền 3.000.000VNĐ, thời hạn trả của khoản vay là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 1.797.000VNĐ, số tiền lãi là 1.203.000VNĐ, khoản vay có lãi suất 5,73%/ngày = 2.091,45%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần. Nguyễn Thị C đã thanh toán xong khoản vay. Theo quy định, số tiền lãi được phép thu đối với khoản vay là 11.507VNĐ. Số tiền app “Vndong” đã thu lợi bất chính từ khoản vay của Nguyễn Thị C là 1.191.493VNĐ.

20. **Phạm Đăng Q**, ngày 06/6/2022, Phạm Đăng Q đã vay tiền của app “Vndong” với số tiền 3.000.000VNĐ, thời hạn trả của khoản vay là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 1.797.000VNĐ, số tiền lãi là 1.203.000VNĐ, khoản vay có lãi suất 5,73%/ngày = 2.091,45%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần. Phạm Đăng Q đã thanh toán xong khoản vay. Theo quy định, số tiền lãi được phép thu đối với khoản vay này là 11.507VNĐ. Số tiền app “Vndong” đã thu lợi bất chính từ khoản vay của Phạm Đăng Q là 1.191.493VNĐ.

21. **Vũ Thị H**, trong thời gian từ ngày 26/01/2022 đến ngày 25/6/2022, Vũ Thị H đã 07 lần vay tiền của app “Vndong” và app “Zdong” với tổng số tiền 18.000.000VNĐ, thời hạn trả của 07 khoản vay là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 10.710.000VNĐ, số tiền lãi là 7.290.000VNĐ, trong đó 01 khoản vay có mức lãi suất 6,07% ngày = 2.215,55%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 110,8 lần, 06 khoản vay có mức lãi suất 5,73%/ngày = 2.091,45%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần. Trong 07 lần vay tiền, Vũ Thị H đã thanh toán xong 06 lần vay tiền, lần vay thứ 7 ngày 25/6/2022 số tiền vay 3.500.000VNĐ của app “Zdong”, số tiền thực nhận về tài khoản là 2.096.500VNĐ, số tiền lãi là 1.403.500VNĐ, Vũ Thị H chưa thanh toán. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 06 lần Vũ Thị H vay tiền là 55.616VNĐ. Số tiền app “Vndong” và app “Zdong” đã thu lợi bất chính từ 06 khoản vay của Vũ Thị H là 5.830.884VNĐ.

22. **Đỗ Toàn T**, trong thời gian từ ngày 18/10/2021 đến ngày 08/12/2021, Đỗ Toàn T đã 10 lần vay tiền của app “Vndong” và app “Hitien” với tổng số tiền 40.000.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 23.960.000VNĐ, số tiền lãi là 16.040.000VNĐ, Các khoản vay có

mức lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần, Đỗ Toàn T đã thanh toán xong 10 lần vay tiền. Theo quy định tổng số tiền lãi được thu đối với 10 lần Đỗ Toàn T vay tiền là 153.425VNĐ. Số tiền app “Vndong” và app “Hitien” đã thu lợi bất chính từ 10 khoản vay của Đỗ Toàn T là 15.886.575VNĐ.

23. **Đậu Phương B**, ngày 28/02/2022, Đậu Phương B đã vay tiền của app “Vndong” với số tiền 3.000.000VNĐ, thời hạn trả của khoản vay là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 1.797.000VNĐ, số tiền lãi là 1.203.000VNĐ, khoản vay có lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần. Đậu Phương B đã thanh toán xong khoản vay. Theo quy định, số tiền lãi được phép thu đối với khoản vay là 11.507VNĐ. Số tiền app “Vndong” đã thu lợi bất chính từ khoản vay của Đậu Phương B là 1.191.493VNĐ.

24. **Võ Nguyễn Hoàng P**, trong thời gian từ ngày 16/5/2022 đến ngày 21/5/2022, Võ Nguyễn Hoàng P đã 02 lần vay tiền của app “Zdong” với tổng số tiền 7.500.000VNĐ, thời hạn trả của các khoản vay là 07 ngày, số tiền thực nhận về tài khoản là 4.492.500VNĐ, số tiền lãi là 3.007.500VNĐ, các khoản vay đều có mức lãi suất $5,73\%/ngày = 2.091,45\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 104,57 lần. Võ Nguyễn Hoàng P đã thanh toán xong 02 khoản tiền vay. Theo quy định, tổng số tiền lãi được thu đối với 02 khoản vay tiền của Võ Nguyễn Hoàng P là 28.767VNĐ. Số tiền app “Zdong” đã thu lợi bất chính từ 02 khoản vay của Võ Nguyễn Hoàng P là 2.978.733VNĐ.

Tổng số 24 người vay tiền của 03 app “Vndong”, “Hitien”, “Zdong” là 163 lần. Số tiền các app cho vay là 762.000.000VNĐ, số tiền người vay được thực nhận về tài khoản từ các khoản vay là 463.737.500VNĐ, số tiền lãi từ các khoản vay là 298.262.500VNĐ. Trong 163 lần vay tiền, người vay chưa thanh toán 08 lần với số tiền người vay đã thực nhận tổng số là 23.515.500VNĐ các app chưa thu lợi bất chính. Còn lại 155 lần vay tiền mà người vay đã thanh toán với tổng số tiền là 723.000.000VNĐ, trong đó số tiền lãi là 282.778.500VNĐ. Theo quy định của Bộ luật dân sự tổng số tiền lãi được phép thu đối với 155 lần vay mà người vay đã thanh toán là 2.792.876VNĐ. Số tiền các app “Vndong”, “Hitien”, “Zdong” đã thu lợi bất chính từ 155 lần vay của người vay tiền là 279.985.625VNĐ.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận:

Bị cáo Nguyễn Thị Hoài T: Năm 2019, Nguyễn Thị Hoài T được người nam giới quốc tịch Trung Quốc tên “Trần” nhận vào làm việc tại Công ty TNHH Filtech Vạn Lợi có trụ sở tại tầng 39 tòa nhà Park 3 khu Vinhomes Center Park, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với nhiệm vụ tuyển dụng và chăm công nhân viên, quản lý trang thiết bị văn phòng. Quá trình làm việc Nguyễn Thị Hoài T nhận thức được Công ty TNHH Filtech Vạn Lợi là công ty cho vay tiền qua các ứng dụng điện thoại di động qua app “Hitien”, “Vndong” do các đối tượng có quốc tịch Trung Quốc gồm ông Trần, ông Dương, ông Đường, bà Bo, bà Jill quản lý. Đến tháng 11/2020, Nguyễn Thị Hoài T xin nghỉ việc. Tháng 02/2021, người phụ nữ quốc tịch Trung Quốc tên Jill liên hệ với Nguyễn Thị Hoài T để trao đổi và đề nghị Nguyễn Thị Hoài T làm việc tại các app vay tiền, bà Jill

cho Nguyễn Thị Hoài T làm việc online tại nhà, với nhiệm vụ: Phụ trách việc chăm sóc khách hàng khi khách hàng khiếu nại hay thắc mắc về hoạt động vay tiền (*Nguyễn Thị Hoài T quản lý 04 số điện thoại Hotline đối với 04 app*); tuyển dụng nhân sự, chấm công đối với nhóm thẩm định hồ sơ do Chồng Ngọc P quản lý để gửi cho ông Dương, bà Jill hàng tháng. Xét duyệt lần cuối các khoản vay. Bà Jill đã giao cho Nguyễn Thị Hoài T quản lý 04 tài khoản để truy cập vào 04 ứng dụng app (*Tài khoản trên app “Vndong” tên boss, mật khẩu vn745200; Tài khoản trên app “Zdong” tên bossvn, mật khẩu 2d745200; Tài khoản trên ứng dụng “Hvay” tên boss, mật khẩu hv745200; Tài khoản trên ứng dụng “Hitien” tên Hitien, mật khẩu hi745200*), đồng thời người nam giới Trung Quốc tên Dương đã giao lại cho Nguyễn Thị Hoài T tài khoản Zalo “*Khongcanten*” kèm theo mật khẩu để quản lý, đôn đốc tiến độ, chất lượng công việc của các nhân viên. Tháng 02/2021, bà Jill đưa cho Nguyễn Thị Hoài T sử dụng 01 tài khoản ngân hàng Techcombank số 1903604146018 mang tên Phạm Thị H để Nguyễn Thị Hoài T nhận tiền từ các đối tượng Trung Quốc và thanh toán, tiền thưởng, tiền thuê nhà, tiền điện nước tại văn phòng tại 354/89/26 Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh của nhóm của Chồng Ngọc P, trả tiền mua sim điện thoại Vinaphone. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Thị Hoài T làm việc cho các app được xác định từ ngày 01/02/2021 đến ngày 12/7/2022, Nguyễn Thị Hoài T đã giúp sức cho vay tổng số tiền 623.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 231.204.774VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng với tổng số tiền 300.000.000VNĐ, Nguyễn Thị Hoài T đã chi tiêu cá nhân còn lại 127.448.000VNĐ. Trong tài khoản Techcombank số 1903604146018 mang tên Phạm Thị H mà các đối tượng Trung Quốc đưa cho Nguyễn Thị Hoài T để nhận tiền thanh toán lương cho nhân viên và các chi phí phát sinh còn số tiền 70.343.235VNĐ.

Bị cáo Chồng Ngọc P: Tháng 02 năm 2021, Chồng Ngọc P được một người nữ giới tên Kiều giới thiệu, tuyển dụng làm nhiệm vụ tìm kiếm, thẩm định khách hàng, thẩm định hồ sơ cho vay đối với app “Vndong” tại đường số 59, phường 14, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, mã nhân viên “FK21”. Để thực hiện nhiệm vụ, người nữ giới tên Kiều đã giao cho Chồng Ngọc P sử dụng 01 máy tính xách tay và 01 điện thoại di động đã gắn sẵn sim điện thoại và tài khoản Zalo “Ngọc Nhi” để gọi điện mời, tư vấn khoản vay tiền cho khách qua app “Vndong”. Đến tháng 5/2021, Chồng Ngọc P được các đối tượng Trung Quốc giao thêm nhiệm vụ là quản lý nhân viên và công việc đối với 02 app “Vndong”, “Hitien”. Hằng ngày Chồng Ngọc P có nhiệm vụ giao việc, nhắc việc và báo cáo tiến độ, chất lượng công việc cho các đối tượng Trung Quốc qua ứng dụng Zalo gửi 02 tài khoản “Khongcanten” và “Old man”. Văn phòng làm việc tại địa chỉ 354/89/26 Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình được giao quản lý nhóm tìm kiếm, thẩm định khách hàng, thẩm định hồ sơ cho vay đối với app “Vndong”, “Hitien”, Chồng Ngọc P đã sử dụng đăng ký tài khoản Zalo “Ngọc Phụng” để quản lý công việc và báo cáo hàng ngày với tài khoản Zalo “Khongcanten” và “Oldman”. Chồng Ngọc P sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1014065203 và tài khoản ngân hàng MB số

0866198654 mang tên Chổng Ngọc P để nhận tiền và thanh toán lương, tiền thưởng hoa hồng đối với từng nhân viên vào ngày mùng 05 hàng tháng cũng như các chi phí phát sinh khác do các đối tượng Trung Quốc chuyển đến để duy trì hoạt động của văn phòng. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Chổng Ngọc P làm việc cho app xác định từ ngày 01/02/2021 đến ngày 12/7/2022, Chổng Ngọc P đã giúp sức cho vay tổng số tiền 623.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 231.204.774VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng với tổng số tiền 270.000.000VNĐ, Chổng Ngọc P đã chi tiêu cá nhân còn lại 38.951.398VNĐ.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương L: Được Nguyễn Thị Hoài T nhận vào làm việc từ tháng 3/2022 với nhiệm vụ là gọi điện mời khách vay tiền qua app “Hitien”, mã nhân viên là “FK3”. Chổng Ngọc P đã giao cho Nguyễn Thị Phương L sử dụng 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL đã gắn sẵn 02 sim điện thoại, đồng thời Nguyễn Thị Phương L tự sử dụng 01 máy tính cá nhân để thực hiện hành vi gọi điện mời, tư vấn khoản vay tiền cho khách qua app “Hitien”. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Thị Phương L làm việc cho app xác định từ ngày 01/3/2022 đến ngày 12/7/2022, Nguyễn Thị Phương L đã giúp sức cho vay tổng số tiền 295.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 111.801.774VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng với tổng số tiền 53.596.000VNĐ, Nguyễn Thị Phương L đã chi tiêu cá nhân còn lại 1.065.948VNĐ.

Bị cáo Trần Thị H 1: Được Chổng Ngọc P nhận vào làm việc từ tháng 5/2022 với nhiệm vụ là gọi điện mời khách vay tiền qua app “Vndong”, mã nhân viên “FK22”. Chổng Ngọc P đã giao cho Trần Thị H 1 sử dụng 01 máy tính, đồng thời Trần Thị H 1 sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu tím để thực hiện hành vi gọi điện mời, tư vấn khoản vay tiền cho khách qua app “Vndong”. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong khoảng thời gian Trần Thị H 1 làm việc cho app xác định từ ngày 01/5/2022 đến ngày 12/7/2022, Trần Thị H 1 đã giúp sức cho vay tổng số tiền 137.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 49.248.384VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng với tổng số tiền 25.444.000VNĐ, Trần Thị H 1 đã chi tiêu cá nhân còn lại 1.038.902VNĐ.

Bị cáo Nguyễn Phú Tường L: Được Chổng Ngọc P nhận vào làm việc từ tháng 3/2022 với nhiệm vụ là gọi điện mời khách vay tiền qua app “Vndong”, mã nhân viên “FK15”. Chổng Ngọc P giao cho Nguyễn Phú Tường L sử dụng 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL đã gắn sẵn 02 sim điện thoại, tài khoản Zalo “Ty Ty”, đồng thời Nguyễn Phú Tường L tự sử dụng 01 máy tính cá nhân để thực hiện hành vi gọi điện mời, tư vấn khoản vay tiền cho khách qua app “Vndong”. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Phú Tường L làm việc cho app được xác định từ ngày 01/3/2022 đến ngày 12/7/2022, Nguyễn Phú Tường L đã giúp sức cho vay tổng số tiền 287.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 108.823.041VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 50.381.000VNĐ, Nguyễn Phú Tường L đã chi tiêu cá nhân còn lại 150.028VNĐ.

Bị cáo Võ Thị Mai P: Được Chồng Ngọc P nhận vào làm việc từ tháng 3/2022 với nhiệm vụ là gọi điện mời khách vay tiền qua app “Hitien” và tư vấn khi các cá nhân có nhu cầu vay tiền qua app “Hitien”, mã nhân viên “FK01”. Chồng Ngọc P giao cho Võ Thị Mai P sử dụng 01 máy tính và 01 tài khoản Zalo để thực hiện hành vi gọi điện mời, tư vấn khoản vay tiền. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Võ Thị Mai P làm việc cho app xác định từ ngày 01/3/2022 đến ngày 12/7/2022, Võ Thị Mai P đã giúp sức cho vay tổng số tiền 287.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 108.823.041VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 32.944.000VNĐ, Võ Thị Mai P đã chi tiêu cá nhân còn lại 781.210VNĐ.

Bị cáo Phan Thị Kim H: Được Nguyễn Thị Hoài T nhận vào làm việc từ tháng 3/2022 với nhiệm vụ là gọi điện mời khách vay tiền qua app “Vndong”, mã nhân viên “FK12”. Chồng Ngọc P giao cho Phan Thị Kim H sử dụng 01 máy tính, 01 điện thoại di động đã gắn sẵn 02 sim điện thoại và tài khoản Zalo “Mẫn Mẫn” để thực hiện hành vi gọi điện mời, tư vấn khoản vay tiền cho khách qua app “Vndong”. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Phan Thị Kim H làm việc cho app xác định từ ngày 01/3/2022 đến ngày 12/7/2022, Phan Thị Kim H đã giúp sức cho vay tổng số tiền 295.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 111.801.774VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 30.100.000VNĐ, Phan Thị Kim H đã chi tiêu cá nhân còn lại 2.166.869VNĐ.

Bị cáo Lê Thị Như H: Được Chồng Ngọc P nhận vào làm việc từ tháng 5/2022 với nhiệm vụ là gọi điện mời khách vay tiền qua app “Hitien” và tư vấn khi các cá nhân có nhu cầu vay tiền qua app “Hitien”, mã nhân viên “FK2”. Chồng Ngọc P đã giao cho Lê Thị Như H sử dụng 01 máy tính, 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL bên trong có gắn 02 số điện thoại và 02 tài khoản Zalo “Vy”, “Trang” để thực hiện hành vi gọi điện mời, tư vấn khoản vay tiền. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Lê Thị Như H làm việc cho app xác định từ ngày 01/5/2022 đến ngày 12/7/2022, Lê Thị Như H đã giúp sức cho vay tổng số tiền 137.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 49.248.384VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 29.238.000VNĐ, Lê Thị Như H đã chi tiêu cá nhân trong tài khoản còn lại 10.107.145VNĐ.

Bị cáo Vòng Kim L: Được Chồng Ngọc P nhận vào làm việc từ tháng 3/2022 với nhiệm vụ là gọi điện mời khách vay tiền qua app “Hitien”, mã nhân viên “FK6”. Chồng Ngọc P đã giao cho Vòng Kim L sử dụng 01 máy tính, 02 số điện thoại. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Vòng Kim L làm việc cho app xác định từ ngày 01/3/2022 đến ngày 12/7/2022, Vòng Kim L đã giúp sức cho vay tổng số tiền 287.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 108.823.041VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 35.000.000VNĐ, Vòng Kim L đã chi tiêu cá nhân còn lại 3.880.041VNĐ.

Bị cáo Phạm Thị H: Năm 2019 được người phụ nữ Trung Quốc tên là Qian Jia Yi nhận vào làm việc với nhiệm vụ làm phiên dịch, quản lý các nhân viên

nhắc nợ, thu hồi nợ qua các app vay tiền “Hitien” và “Vndong”. Do dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp nên sau khi làm việc được khoảng hơn 01 tháng thì Phạm Thị H nghỉ việc. Đến tháng 7/2020, người phụ nữ Trung Quốc tên là Qian Jia Yi liên lạc với Phạm Thị H qua Wchat để trao đổi và đề nghị Phạm Thị H trực tiếp tiến hành mở văn phòng nhắc nợ, thu hồi nợ của 02 app vay tiền là “Hitien” và “Vndong”, Phạm Thị H nhất trí và đã liên hệ với các nhân viên cũ trước đây, tuyển dụng nhân viên mới, thuê phòng 601 tầng 6 số nhà 055, đường Hoàng Văn Thụ, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai để làm văn phòng hoạt động, tiếp nhận các thiết bị phục vụ công việc do người nữ giới Trung Quốc chuyển đến hoặc đi mua các trang thiết bị theo yêu cầu của người nữ giới này. Đến tháng 4/2021, Phạm Thị H thực hiện ý kiến của người nữ giới Trung Quốc thuê thêm phòng số 602 tầng 6 số nhà 055, đường Hoàng Văn Thụ, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai để làm văn phòng nhắc nợ, thu hồi nợ của 02 app vay tiền là “Hitien”, “Vndong”. Tháng 12/2021, Phạm Thị H tiếp tục thuê thêm phòng 603 tầng 6 số nhà 055, đường Hoàng Văn Thụ, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai để mở văn phòng cho bộ phận thẩm định hồ sơ khách vay theo yêu cầu của Jill, đến khoảng cuối tháng 5/2022, bộ phận thẩm định tại phòng 603 nghỉ, Phạm Thị H vẫn tiếp tục điều hành, quản lý đối với nhóm nhắc nợ, thu hồi của 04 app vay tiền là “Hitien”, “Vndong”, “Zdong”, “Hvay”. Quá trình được giao quản lý nhóm nhắc nợ, thu hồi nợ, Phạm Thị H đã sử dụng 02 số điện thoại đăng ký tài khoản Zalo “*Vạn sự tùy duyên*” và tài khoản Zalo “*Bồ Công Anh*” lắp trên điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A10 PLUS để quản lý công việc và báo cáo hàng ngày với người nữ giới tên Jill. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Phạm Thị H làm việc cho app xác định từ ngày 01/7/2020 đến ngày 12/7/2022, Phạm Thị H đã giúp sức cho vay tổng số tiền 755.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 277.729.055VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng với tổng số tiền 270.000.000VNĐ, Phạm Thị H đã chi tiêu cá nhân còn lại 8.558.723VNĐ.

Bị cáo Nguyễn Trung Đ: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 5/2021 với nhiệm vụ là trưởng nhóm nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn đối với 04 app vay tiền “Hitien”, “Vndong”, “Zdong”, “Hvay” và nhắc nợ, đòi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Hvay”, mã nhân viên là “H03”. Phạm Thị H đã giao cho Nguyễn Trung Đ sử dụng 01 máy tính, 02 số điện thoại lắp trên điện thoại Mobell và tài khoản Zalo “Long” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Trung Đ làm việc cho app xác định từ ngày 01/5/2021 đến ngày 12/7/2022, Nguyễn Trung Đ đã giúp sức cho vay tổng số tiền 598.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 223.521.795VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng với tổng số tiền 189.779.624VNĐ, Nguyễn Trung Đ đã chi tiêu cá nhân còn lại 3.161.236VNĐ.

Bị cáo Lê Thị Q: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 6/2021 với nhiệm vụ là tổ trưởng phụ trách tổ nhắc nợ, thu hồi nợ đúng hạn đối với 02 app “Hitien” và “Zdong”. Tham gia nhắc nợ, đòi nợ đúng hạn với khách vay tiền qua app “Zdong”, mã nhân viên là “Z7”. Lê Thị Q sử dụng 01 máy tính, 02 số điện thoại lắp trên điện thoại Mobell và tài khoản Zalo “Trang” để nhắc nợ, đòi nợ.

Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Lê Thị Q làm việc cho app xác định từ ngày 01/6/2021 đến ngày 12/7/2022, Lê Thị Q đã giúp sức cho vay tổng số tiền 591.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 221.005.226VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 111.366.032VNĐ, Lê Thị Q đã chi tiêu cá nhân còn lại 7.658.575VNĐ.

Bị cáo Vũ Thị Ngọc B: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 5/2021 với nhiệm vụ là tổ trưởng phụ trách tổ nhắc nợ, thu hồi nợ đúng hạn đối với 02 app “Vndong” và “Hvay”. Tham gia nhắc nợ, đòi nợ đúng hạn với khách vay tiền qua app “Hvay”, mã nhân viên là “H08”. Vũ Thị Ngọc B sử dụng 01 máy tính, 02 số điện thoại lắp trên điện thoại Mobell và tài khoản Zalo “Bảo Uyên” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Vũ Thị Ngọc B làm việc cho app xác định từ ngày 01/5/2021 đến ngày 12/7/2022, Vũ Thị Ngọc B đã giúp sức cho vay tổng số tiền 598.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 223.521.795VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 124.219.000VNĐ, Vũ Thị Ngọc B đã chi tiêu cá nhân còn lại 2.898.347VNĐ.

Bị cáo Phạm Quang A: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 3/2021 với nhiệm vụ nhắc nợ, quá hạn với khách vay tiền qua app “Vndong”, mã nhân viên là “Vn0”. Phạm Thị H đã giao cho Phạm Quang A sử dụng 01 máy tính, 02 số điện thoại lắp trên điện thoại Masstel và tài khoản Zalo “Mẫn Nhi”, “Quốc Thiên” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Phạm Quang A làm việc cho app xác định từ tháng 01/3/2021 đến ngày 12/7/2022, Phạm Quang A đã giúp sức cho vay tổng số tiền 618.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 229.329.260VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 100.000.000VNĐ, Phạm Quang A đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Lê Thị Thu H: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 8/2021 với nhiệm vụ nhắc nợ, thu nợ đúng hạn với khách vay tiền qua app “Vndong” đến tháng 6/2022, Lê Thị Thu H được Phạm Thị H chuyển sang nhóm thu hồi nợ quá hạn của app “Vndong”, mã nhân viên là “Vn9”. Phạm Thị H đã giao cho Lê Thị Thu H sử dụng 01 máy tính, 02 số điện thoại lắp trên điện thoại Mobell và tài khoản Zalo “Anh Thư” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Lê Thị Thu H làm việc cho app xác định từ tháng 8/2021 đến ngày 12/7/2022, Lê Thị Thu H đã giúp sức cho vay tổng số tiền 578.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 217.714.329VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 66.055.000VNĐ, Lê Thị Thu H đã chi tiêu cá nhân còn lại 566.562VNĐ.

Bị cáo Trần Xuân C: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ giữa tháng 4/2021 với nhiệm vụ ban đầu là nhắc nợ, thu nợ đúng hạn với khách vay tiền qua app “Vndong”, sau một thời gian làm việc, Trần Xuân C được Phạm Thị H chuyển sang nhóm thu hồi nợ quá hạn của app “Vndong”, mã nhân viên là “Vn3” và “Vn17”. Phạm Thị H đã giao cho Trần Xuân C sử dụng 01 máy tính, 04 số điện thoại lắp trên 02 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell và 02 tài khoản Zalo

“ANH PHÁT”, “CHÚ TÁM” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Trần Xuân C làm việc cho app xác định từ ngày 15/4/2021 đến ngày 12/7/2022, Trần Xuân C đã giúp sức cho vay tổng số tiền 606.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 226.812.692VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng với tổng số tiền 166.770.000VNĐ, Trần Xuân C đã chi tiêu cá nhân còn lại 1.898.205VNĐ.

Bị cáo Nông Thanh D: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ ngày 10/4/2022 với nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Vndong”, mã nhân viên “Vn6”. Phạm Thị H đã giao cho Nông Thanh D sử dụng 01 máy tính, 02 số điện thoại lắp trên điện thoại Mobell và tài khoản Zalo “Yến Vy”, “Trúc” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nông Thanh D làm việc cho app xác định từ ngày 10/4/2022 đến ngày 12/7/2022, Nông Thanh D đã giúp sức cho vay tổng số tiền 187.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 69.106.603VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền 22.457.000VNĐ, Nông Thanh D đã chi tiêu cá nhân còn lại 11.011.763VNĐ.

Bị cáo Nguyễn Thế H: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 9/2021 với nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ đúng hạn với khách vay tiền qua app “Hvay”, mã nhân viên “H10”. Phạm Thị H đã giao cho Nguyễn Thế H sử dụng 01 máy tính, 02 số điện thoại lắp trên điện thoại Mobell và tài khoản Zalo “Hoàng” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Thế H làm việc cho app xác định từ ngày 01/9/2021 đến ngày 12/7/2022, Nguyễn Thế H đã giúp sức cho vay tổng số tiền 564.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 212.487.610VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền 64.446.000VNĐ, Nguyễn Thế H đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Trần Thị H: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 6/2021 với nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Zdong”, mã nhân viên “Z6”. Phạm Thị H đã giao cho Trần Thị H đã sử dụng 01 máy tính, 02 số điện thoại lắp trên điện thoại Masstel và 02 tài khoản Zalo “Hải Anh”, “Đương” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Trần Thị H làm việc cho app xác định từ ngày 01/6/2021 đến ngày 12/7/2022, Trần Thị H đã giúp sức cho vay tổng số tiền 591.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 221.005.226VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 129.094.635VNĐ, Trần Thị H đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Nguyễn Thị Hương L: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 02/2021 với nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ đúng hạn với khách vay tiền qua app “Hitien”, mã nhân viên “Hi2”. Phạm Thị H đã giao cho Nguyễn Thị Hương L sử dụng 01 máy tính, 02 máy tính xách tay, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bên trong lắp 02 sim điện thoại và 02 tài khoản Zalo “Linh Anh Phạm”, “Vân Vân” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Thị Hương L làm việc cho app xác định từ ngày 01/02/2021 đến ngày 12/7/2022, Nguyễn Thị Hương L đã giúp sức cho vay tổng số tiền 623.000.000VNĐ đồng, giúp sức thu

lợi bất chính tổng số tiền 231.204.774VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 116.314.761VNĐ, Nguyễn Thị Hương L đã chi tiêu cá nhân còn 2.523.000VNĐ.

Bị cáo Nguyễn Thành T: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ ngày 15/3/2022 với nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ đúng hạn với khách vay tiền qua app “Hitien”, mã nhân viên “Hi8”. Phạm Thị H đã giao cho Nguyễn Thành T 01 máy tính, 02 số điện thoại lắp trên điện thoại Masstel, đồng thời Nguyễn Thành T có sử dụng tài khoản Zalo “Trung” trên điện thoại IPHONE 11 có số điện thoại 0339.113.605 của Nguyễn Thành T để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Thành T làm việc cho app xác định từ ngày 15/3/2022 đến ngày 12/7/2022, Nguyễn Thành T đã giúp sức cho vay tổng số tiền 258.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 97.107.192VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 28.800.000VNĐ, Nguyễn Thành T đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Hoàng Thị Tú A: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 6/2021 với nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ đúng hạn với khách vay tiền qua app “Zdong”, mã nhân viên “Z8”. Phạm Thị H đã giao cho Hoàng Thị Tú A sử dụng 01 máy tính, 01 số điện thoại lắp trên điện thoại Masstel và tài khoản Zalo “Tú Anh” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Hoàng Thị Tú A làm việc cho app xác định từ ngày 01/6/2021 đến ngày 12/7/2022, Hoàng Thị Tú A đã giúp sức cho vay tổng số tiền 591.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 221.005.226VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 115.228.082VNĐ, Hoàng Thị Tú A đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Nguyễn Văn T: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 5/2021 với nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Hitien”, mã nhân viên “Hi11”, Nguyễn Văn T làm việc đến tháng 5/2022 thì xin nghỉ. Do văn phòng làm việc thiếu người nên đầu tháng 7/2022, Nguyễn Văn T được Phạm Thị H gọi đến để tiếp tục làm nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Hitien”, mã nhân viên “Hi7” và được Phạm Thị H cho phép làm việc tại nhà, báo cáo kết quả công việc hàng ngày qua ứng dụng Zalo gửi Phạm Thị H. Phạm Thị H giao, Nguyễn Văn T đã sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX, 02 tài khoản Zalo “Hải Sẹo” và tài khoản Zalo “UVAY THU HỒI” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Văn T làm việc cho app xác định từ ngày 01/5/2021 đến tháng 5/2022 và từ ngày 01/7/2022 đến ngày 12/7/2022, Nguyễn Văn T đã giúp sức cho vay tổng số tiền 522.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 194.727.377VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền 117.700.000VNĐ, Nguyễn Văn T đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Nguyễn Hữu T: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ ngày 23/5/2022 với nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Hvay”, mã nhân viên “H04”. Phạm Thị H đã giao cho Nguyễn Hữu T sử dụng 01 máy tính, 02 số điện thoại lắp trên điện thoại Mobell và tài khoản Zalo “Nam” để

nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Hữu T làm việc cho app xác định từ ngày 23/5/2022 đến ngày 12/7/2022, Nguyễn Hữu T đã giúp sức cho vay tổng số tiền 116.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 40.907.932VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 11.195.000VNĐ, Nguyễn Hữu T đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Hoàng Ngọc D: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 5/2022 với nhiệm vụ ban đầu là nhắc nợ, thu hồi nợ đúng hạn, đến tháng 6/2022 Hoàng Ngọc D được Phạm Thị H phân công nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Hitien”, mã nhân viên “Hi4”. Phạm Thị H đã giao cho Hoàng Ngọc D sử dụng 01 máy tính, 02 số điện thoại lắp trên điện thoại SAMSUNG J5 và tài khoản Zalo “Lý Văn Phụng” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Hoàng Ngọc D làm việc cho app xác định từ ngày 01/5/2022 đến ngày 12/7/2022, Hoàng Ngọc D đã giúp sức cho vay tổng số tiền 145.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 52.227.116VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 13.726.000VNĐ, Hoàng Ngọc D đã chi tiêu cá nhân còn lại 6.320.591VNĐ.

Bị cáo Hoàng Thị Minh P: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 3/2021 với nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Hitien”, mã nhân viên “Hi6”. Phạm Thị H giao đã giao cho Hoàng Thị Minh P sử dụng 01 máy tính, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, bên trong có gắn 02 sim điện thoại và tài khoản Zalo “Minh Anh” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Hoàng Thị Minh P làm việc cho app xác định từ ngày 01/3/2021 đến ngày 12/7/2022, Hoàng Thị Minh P đã giúp sức cho vay tổng số tiền 618.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 229.329.260VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền 141.023.954VNĐ, Hoàng Thị Minh P đã chi tiêu cá nhân còn lại 1.438.767VNĐ.

Bị cáo Nguyễn Xuân T: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 3/2022 với nhiệm vụ thu hồi nợ đúng hạn với khách vay tiền qua app “Vndong”, mã nhân viên “Vn8”. Phạm Thị H đã giao cho Nguyễn Xuân T sử dụng 01 máy tính xách tay và 01 điện thoại di động bên trong có gắn 02 sim điện thoại và 02 tài khoản Zalo “Nguyễn” và “Nam” để nhắc nợ, đòi nợ. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Xuân T làm việc cho app xác định từ ngày 01/3/2022 đến ngày 12/7/2022, Nguyễn Xuân T đã giúp sức cho vay tổng số tiền 295.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 111.801.774VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 24.634.000VNĐ, Nguyễn Xuân T đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Nguyễn Quang H: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ cuối tháng 7/2021 với nhiệm vụ ban đầu là nhắc nợ, thu hồi nợ đúng hạn, một thời gian sau, Nguyễn Quang H được Phạm Thị H phân công nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Hvay”, mã nhân viên “H01”. Phạm Thị H đã giao cho Nguyễn Quang H sử dụng 01 máy tính xách tay và 01 điện thoại di động bên trong có gắn 02 sim điện thoại và 02 tài khoản Zalo “Hoàng Hải” và

“Tiến Đạt” để nhắc nợ, đòi nợ. Đến ngày 03/5/2022, Nguyễn Quang H xin nghỉ, không làm công việc trên nữa và trả lại máy tính, điện thoại mà Phạm Thị H đã giao trước đó. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Quang H làm việc cho app xác định từ ngày 01/8/2021 đến ngày 03/5/2022, Nguyễn Quang H đã giúp sức cho vay tổng số tiền 433.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 165.487.212VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng với tổng số tiền 81.547.993VNĐ, Nguyễn Quang H đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Nguyễn Trọng N: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ ngày 10/11/2021 với nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Zdong”, mã nhân viên “Z10”. Phạm Thị H đã giao cho Nguyễn Trọng N đã sử dụng 01 máy tính, 01 điện thoại di động bên trong có gắn 02 sim điện thoại và tài khoản Zalo “Hô” và “Beo” để nhắc nợ, đòi nợ. Đến ngày 10/7/2022, Nguyễn Trọng N xin nghỉ, không làm công việc trên nữa và trả lại máy tính, điện thoại mà Phạm Thị H đã giao trước đó. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Trọng N làm việc cho app xác định từ ngày 10/11/2021 đến ngày 10/7/2022, Nguyễn Trọng N đã giúp sức cho vay tổng số tiền 442.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 166.285.295VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng với tổng số tiền là 59.900.000VNĐ, Nguyễn Trọng N đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Lưu Ngọc G: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ ngày 20/6/2021 với nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Zdong”, mã nhân viên “Z1”. Phạm Thị H đã giao cho Lưu Ngọc G sử dụng 01 máy tính và 01 điện thoại di động bên trong có gắn 02 sim điện thoại và một tài khoản Zalo (Không có định tên) để nhắc nợ, đòi nợ. Đến ngày 10/01/2022 thì Lưu Ngọc G xin nghỉ việc và trả lại máy tính, điện thoại cho Phạm Thị H. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Lưu Ngọc G làm việc cho app xác định từ ngày 20/6/2021 đến hết ngày 10/01/2022, Lưu Ngọc G đã giúp sức cho vay tổng số tiền 243.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 89.953.979VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền 83.459.846VNĐ, Lưu Ngọc G đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Lê Hồng S: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ ngày tháng 5/2021 với nhiệm vụ ban đầu là nhắc nợ, thu hồi nợ đúng hạn, sau một thời gian làm việc, Lê Hồng S được Phạm Thị H phân công làm nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Hitien”, mã nhân viên “Hi9”, đến tháng 6/2021, Lê Hồng S được Phạm Thị H phân công nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ đối với khách vay tiền qua app “Vndong”, mã nhân viên “Vn9”. Phạm Thị H đã giao cho Lê Hồng S sử dụng 01 máy tính và 01 điện thoại di động bên trong có gắn 02 sim điện thoại và một tài khoản Zalo “Sơn” để nhắc nợ, đòi nợ. Đến ngày 15/5/2022 thì Lê Hồng S xin nghỉ việc và trả lại máy tính, điện thoại cho Phạm Thị H. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Lê Hồng S làm việc cho app xác định từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 15/5/2022, Lê Hồng S đã giúp sức cho vay tổng số tiền 462.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 175.067.740VNĐ và

được thanh toán tiền lương, thưởng, tổng số tiền là 122.611.000VNĐ, Lê Hồng S đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Bàn Thị P: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 3/2021 với nhiệm vụ ban đầu là nhắc nợ, thu hồi nợ đúng hạn, sau một thời gian làm việc, Bàn Thị P được Phạm Thị H phân công làm nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Vndong”, mã nhân viên “Vn1”. Đến cuối năm 2021, Bàn Thị P được Phạm Thị H phân công nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn đối với khách vay tiền qua app “Zdong”, mã nhân viên “Z9”. Phạm Thị H đã giao cho Bàn Thị P sử dụng 01 máy tính và 01 điện thoại di động bên trong có gắn 02 sim điện thoại và một tài khoản Zalo “Vy” để nhắc nợ, đòi nợ. Đến ngày 30/6/2022 thì Bàn Thị P xin nghỉ việc và trả lại máy tính, điện thoại cho Phạm Thị H. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Bàn Thị P làm việc cho app xác định từ ngày 01/3/2021 đến hết ngày 30/6/2022, Bàn Thị P đã giúp sức cho vay tổng số tiền 591.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 222.577.466VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 165.332.031VNĐ, Bàn Thị P đã chi tiêu cá nhân còn lại 6.220.000VNĐ.

Bị cáo Đặng Văn N: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ ngày 07/3/2021 với nhiệm vụ ban đầu là nhắc nợ, thu hồi nợ đúng hạn với khách vay tiền trên app “Hitien” và app “Hvay”. Đến tháng 4/2022, Đặng Văn N được phân công làm nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Hvay”, mã nhân viên “H06”. Phạm Thị H đã giao cho Đặng Văn N sử dụng 01 máy tính và 01 điện thoại di động bên trong có gắn 02 sim điện thoại và 02 tài khoản Zalo “Tự Phúc Lộc”, “Lộc Hvay” để nhắc nợ, đòi nợ. Đến ngày 15/5/2022 thì Đặng Văn N xin nghỉ việc và trả lại máy tính, điện thoại cho Phạm Thị H. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Đặng Văn N làm việc cho app xác định từ ngày 07/3/2021 đến hết ngày 15/5/2022, Đặng Văn N đã giúp sức cho vay tổng số tiền 477.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 180.875.205VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền 113.568.144VNĐ, Đặng Văn N đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Nguyễn Thị H: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ ngày 29/11/2021 với nhiệm vụ ban đầu là nhắc nợ các khách hàng vay trên app “Vndong”, sau đó được phân công nhiệm vụ thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Vndong”, mã nhân viên “Vn11”. Phạm Thị H đã giao cho Nguyễn Thị H sử dụng 01 máy tính và 01 điện thoại di động bên trong có gắn 02 sim điện thoại và một tài khoản Zalo để nhắc nợ, đòi nợ. Đến ngày 05/5/2022 thì Nguyễn Thị H xin nghỉ việc và trả lại máy tính, điện thoại cho Phạm Thị H. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nguyễn Thị H làm việc cho app xác định từ ngày 29/11/2021 đến hết ngày 05/5/2022, Nguyễn Thị H đã giúp sức cho vay tổng số tiền 258.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 98.767.349VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 41.592.175VNĐ, Nguyễn Thị H đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Trần Thị P: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ ngày 11/3/2022 với nhiệm vụ ban đầu là nhắc nợ các khách hàng vay trên app “Hvay”, sau đó được phân công nhiệm vụ thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Hvay”, mã nhân viên “H04”. Phạm Thị H đã giao cho Trần Thị P sử dụng 01 máy tính và 01 điện thoại di động bên trong có gắn 02 sim điện thoại và một tài khoản Zalo “Thảo Mai” để nhắc nợ, đòi nợ. Đến ngày 30/6/2022 thì Trần Thị P xin nghỉ việc và trả lại máy tính, điện thoại cho Phạm Thị H. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Trần Thị P làm việc cho app xác định từ ngày 11/3/2022 đến hết ngày 30/6/2022, Trần Thị P đã giúp sức cho vay tổng số tiền 235.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 91.944.055VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 32.590.267VNĐ, Trần Thị P đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Hà Bích N: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 12/2020 với nhiệm vụ ban đầu là nhắc nợ các khách hàng vay trên app “Hitien”, sau đó được phân công nhiệm vụ thu hồi nợ quá hạn với khách vay tiền qua app “Hitien”, mã nhân viên “H04”. Phạm Thị H đã giao cho Hà Bích N sử dụng 01 máy tính và 01 điện thoại di động bên trong có gắn 02 sim điện thoại và một tài khoản Zalo để nhắc nợ, đòi nợ. Đến ngày 30/11/2021 thì Hà Bích N xin nghỉ việc và trả lại máy tính, điện thoại cho Phạm Thị H. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Hà Bích N làm việc cho app xác định từ ngày 01/12/2020 đến hết ngày 30/11/2021, Hà Bích N đã giúp sức cho vay tổng số tiền 244.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 89.640.836VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 123.234.980VNĐ, Hà Bích N đã chi tiêu hết.

Bị cáo Bùi Thị Huyền T: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ ngày 29/3/2022 với nhiệm vụ thu hồi nợ đúng hạn với khách vay tiền qua app “Zdong”, mã nhân viên “Z1”. Phạm Thị H đã giao cho Bùi Thị Huyền T sử dụng 01 máy tính và 01 điện thoại di động bên trong có gắn 02 sim điện thoại và tài khoản Zalo “Ngọc Anh” để nhắc nợ, đòi nợ. Đến ngày 23/5/2022 thì Bùi Thị Huyền T xin nghỉ việc và trả lại máy tính, điện thoại cho Phạm Thị H. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Bùi Thị Huyền T làm việc cho app xác định từ ngày 29/3/2022 đến hết ngày 23/5/2022, Bùi Thị Huyền T đã giúp sức cho vay tổng số tiền 112.500.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 44.680.993VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 11.227.337VNĐ, Bùi Thị Huyền T đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Nông Thị L: Được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ tháng 9/2021 với nhiệm vụ thu hồi nợ đúng hạn với khách vay tiền qua app “Vndong”, mã nhân viên “Vn2”. Phạm Thị H đã giao cho Nông Thị L sử dụng 01 máy tính và 01 điện thoại di động bên trong có gắn 02 sim điện thoại và một tài khoản Zalo để nhắc nợ, đòi nợ. Đến ngày 10/6/2022 thì Nông Thị L xin nghỉ việc, không làm công việc trên nữa và trả lại máy tính, điện thoại cho Phạm Thị H. Căn cứ vào danh sách những người vay tiền mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian Nông Thị L làm việc cho app xác định từ ngày 01/9/2021 đến hết ngày 10/6/2022, Nông Thị L đã giúp sức cho vay tổng số tiền 482.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi

bất chính tổng số tiền 185.083.267VNĐ và được thanh toán tiền lương, thưởng tổng số tiền là 82.411.392VNĐ, Nông Thị L đã chi tiêu cá nhân hết.

Bản cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 01/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Hoài T, Phạm Thị H, Chông Ngọc P, Nguyễn Trung Đ, Vũ Thị Ngọc B, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Hương L, Phạm Quang A, Hoàng Thị Minh P, Trần Xuân C, Bàn Thị P, Hoàng Thị Tú A, Trần Thị H, Lê Thị Thu H, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn T, Nông Thị L, Đặng Văn N, Lê Hồng S, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quang H, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Phú Tường L, Võ Thị Mai P, Phan Thị Kim H, Nguyễn Thị Phương L, Vòng Kim L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thành T, Trần Thị P, Lưu Ngọc G, Hà Bích N, Nông Thanh D, Hoàng Ngọc D, Lê Thị Như H, Trần Thị H 1, Bùi Thị Huyền T, Nguyễn Hữu T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Hoài T, Phạm Thị H, Chông Ngọc P, Nguyễn Trung Đ, Vũ Thị Ngọc B, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Hương L, Phạm Quang A, Trần Xuân C, Hoàng Thị Minh P, Bàn Thị P, Hoàng Thị Tú A, Trần Thị H, Lê Thị Thu H, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn T, Nông Thị L, Đặng Văn N, Lê Hồng S, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quang H, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Phú Tường L, Võ Thị Mai P, Phan Thị Kim H, Nguyễn Thị Phương L, Vòng Kim L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thành T, Trần Thị P, Hà Bích N, Lưu Ngọc G, Nông Thanh D, Hoàng Ngọc D, Lê Thị Như H, Trần Thị H 1, Bùi Thị Huyền T, Nguyễn Hữu T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 38; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoài T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 38; điểm b, i, s, n, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 38; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Chông Ngọc P từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ từ 08 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 16 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Ngọc B từ 08 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 16 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Q từ 08 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 16 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hương L từ 07 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Quang A từ 07 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Minh P từ 07 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân C từ 07 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm b, i, s, n, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bàn Thị P từ 07 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tú A từ 07 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 07 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H từ 07 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H từ 07 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Xử phạt bị cáo Nông Thị L từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn N từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Xử phạt bị cáo Lê Hồng S từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú Tường L từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Mai P từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Kim H từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương L từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Xử phạt bị cáo Vòng Kim L từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Thị P từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc G từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm i, s, n, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Bích N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Thanh D từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng Cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Như H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Huyền T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo được đề nghị áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 3, Điều 463, khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Truy thu của 38 bị cáo số tiền do phạm tội mà có, tổng số 3.556.987.253VNĐ để một phần trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, phần còn lại sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền đã vay nhưng chưa thanh toán tổng số là 23.515.500VNĐ sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ý kiến luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phú Tường L. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai truy tố 38 bị cáo, trong đó có bị cáo Nguyễn Phú Tường L về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Nguyễn Phú Tường L phạm tội với vai trò là người giúp sức, thực hiện công việc đơn giản là người làm công ăn lương, bị cáo Nguyễn Phú Tường L có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tự nguyện khắc phục hậu quả và là lao động chính trong gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Nguyễn Phú Tường L hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc gia đình.

Tại phiên tòa các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của quan điều tra Bộ Công an, Điều tra viên; cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử; Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố; Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Việc cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính của 04 app vay tiền gồm “Vndong”, “Hitien”, “Hvay”, “Zdong” trên mạng xã hội do các đối tượng có quốc tịch Trung Quốc bao gồm Trần, Dương, Đường, Qial Jia Yi (Hiện chưa làm rõ được nhân thân) lập ra và quản lý từ năm 2019 đến tháng 7/2022. Khi người vay tiền có nhu cầu vay tiền thì phải tải phần mềm dạng ứng dụng (app), cài đặt trên điện thoại di động, sau đó người vay tiền phải cung cấp đầy đủ thông tin để tạo tài khoản gồm: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân, số tài khoản ngân hàng, nghề nghiệp, nơi làm việc, ảnh chụp chân dung cùng giấy tờ tùy thân, đồng thời người vay tiền phải đồng ý cho phép ứng dụng có quyền truy cập danh bạ và các ứng dụng khác có trên điện thoại của người vay tiền. Khi nhận được đầy đủ thông tin từ người vay tiền, các đối tượng sẽ tiến hành thẩm định, xét duyệt hồ sơ vay, khoản vay ít nhất là số tiền 2.000.000VNĐ, khoản vay nhiều nhất là số tiền 7.000.000VNĐ. Thời hạn vay tiền của các gói vay trên đều là 07 ngày, lãi suất người vay phải chịu là 5,7%/ngày, tương ứng với 174,25%/tháng, tương ứng với 2.091%/năm (*Gấp 104 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự*). Việc chuyển tiền cho vay đến tài khoản ngân hàng của người vay khi được xét duyệt đồng ý cho vay và nhận tiền trả nợ từ người vay, các đối tượng người Trung Quốc đã ký hợp đồng với các công ty có chức năng trung gian thanh toán để giúp thanh toán tự động. Khi đến gần thời hạn trả nợ, nhân viên bộ phận thu hồi nợ sẽ điện thoại nhắc nhở người vay phải trả tiền đúng hạn. Nếu đến hạn trả nợ mà người vay chưa trả nợ thì nhân viên thu hồi nợ sẽ điện thoại cho những người có tên trong danh bạ điện thoại của người vay tiền gồm gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, nhằm đe dọa, chửi bới và yêu cầu những người này phải bảo người vay tiền trả nợ, vì tâm lý sợ xấu hổ nên người vay tiền phải chuyển tiền trả nợ. Thực hiện việc cho vay lãi nặng qua 04 app vay tiền “Vndong”, “Hitien”, “Hvay”, “Zdong”, trên lãnh thổ Việt Nam, các đối tượng người Trung Quốc đã thuê Nguyễn Thị Hoài T, Chổng Ngọc P và Phạm Thị H thực hiện các công việc giúp cho vay.

Nguyễn Thị Hoài T, Chổng Ngọc P thực hiện giúp các đối tượng người Trung Quốc quản lý và điều hành bộ phận tìm kiếm, xét duyệt hồ sơ cho vay. Chổng Ngọc P có nhiệm vụ quản lý nhóm tìm kiếm, thẩm định hồ sơ khách hàng vay tiền đối với 02 app “Vndong”, “Hitien” có trụ sở làm việc tại số 354/86/26 Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Thị Hoài T sẽ là người xét duyệt lần cuối các khoản vay, đồng thời Nguyễn Thị Hoài T là người quản lý 04 số điện thoại hotline chăm sóc khách hàng của 04 app và quyết định việc tuyển dụng nhân viên vào làm việc. Các bị cáo thực hiện công việc tìm kiếm người vay, xét duyệt hồ sơ cho vay gồm: Nguyễn Thị Hoài T; Chổng Ngọc P; Nguyễn Thị Phương L; Trần Thị H 1; Nguyễn Phú Tường L; Võ Thị Mai P; Vòng Kim L; Lê Thị Như H; Phan Thị Kim H.

Phạm Thị H là người thực hiện giúp các đối tượng người Trung Quốc quản lý, điều hành bộ phận nhắc nợ, thu hồi nợ có trụ sở làm việc tại phòng 601, 602 tầng 06, số nhà 055, đường Hoàng Văn Thụ, phường Cốc Lếu, thành phố

Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Các bị cáo thực hiện công việc nhắc nợ, thu hồi nợ gồm: Phạm Thị H, Nguyễn Trung Đ, Vũ Thị Ngọc B, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Hương L, Phạm Quang A, Hoàng Thị Minh P, Trần Xuân C, Bàn Thị P, Hoàng Thị Tú A, Trần Thị H, Lê Thị Thu H, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn T, Nông Thị L, Đặng Văn N, Lê Hồng S, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quang H, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thành T, Trần Thị P, Lưu Ngọc G, Hà Bích N, Nông Thanh D, Hoàng Ngọc D, Bùi Thị Huyền T, Nguyễn Hữu T.

Các nhóm làm việc không biết công việc của nhau và địa điểm làm việc ở các nơi khác nhau, chỉ trao đổi với nhau qua mạng xã hội Wechat và Zalo. Các bị cáo đều nhận thức được các app cho vay tiền “Vndong”, “Hitien”, “Hvay”, “Zdong” do các đối tượng quốc tịch Trung Quốc thành lập và quản lý cho vay tiền là hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, vi phạm pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhưng do trong thời gian dịch bệnh Covid không có công việc làm nên muốn có tiền chi tiêu cá nhân, các bị cáo đã thực hiện giúp sức cho các đối tượng người Trung Quốc trong việc tìm kiếm, tư vấn, thẩm định hồ sơ cho vay và nhắc nợ, đòi nợ thu hồi các khoản vay. Trong thời gian từ ngày 15/5/2020 đến ngày 06/7/2022, 03 app vay tiền gồm “Vndong”, “Hitien”, “Zdong” của các đối tượng người Trung Quốc đã cho 24 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 762.000.000VNĐ, với mức lãi suất vượt trên 5 lần mức lãi suất quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự. Các đối tượng cho vay người Trung Quốc thu lợi bất chính với tổng số tiền là 279.985.625VNĐ.

Căn cứ vào thời gian làm việc của từng bị cáo, xác định được các bị cáo đã giúp sức cho các đối tượng cho vay người Trung Quốc thu lợi bất chính cụ thể như sau: Bị cáo Nguyễn Thị Hoài T đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 231.204.774VNĐ. Bị cáo Phạm Thị H đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 277.729.055VNĐ. Bị cáo Chông Ngọc P đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 228.226.041 VNĐ. Bị cáo Nguyễn Trung Đ đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 223.521.795 VNĐ. Bị cáo Vũ Thị Ngọc B đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 223.521.795 VNĐ. Bị cáo Lê Thị Q đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 221.005.226VNĐ. Bị cáo Nguyễn Thị Hương L đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 231.204.774 VNĐ. Bị cáo Phạm Quang A đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 229.329.260 VNĐ. Bị cáo Hoàng Thị Minh P đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 229.329.260 VNĐ. Bị cáo Trần Xuân C đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 226.812.692 VNĐ. Bị cáo Bàn Thị P đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 222.577.466 VNĐ. Bị cáo Hoàng Thị Tú A đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 221.005.226 VNĐ. Bị cáo Trần Thị H đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 221.005.226VNĐ. Bị cáo Lê Thị Thu H đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 217.714.329 VNĐ. Bị cáo Nguyễn Thế H đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 212.487.610VNĐ. Bị cáo Nguyễn Văn T đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 194.727.377 VNĐ. Bị cáo Nông Thị L đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 185.083.267 VNĐ. Bị cáo Đặng Văn N đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 180.875.205 VNĐ. Bị cáo Lê Hồng S đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 175.067.740VNĐ. Bị cáo Nguyễn Trọng N đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 166.285.295VNĐ. Bị cáo Nguyễn Quang H đã giúp sức thu lợi bất

chính tổng số tiền là 165.487.212VNĐ. Bị cáo Nguyễn Xuân T đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 111.801.774VNĐ. Bị cáo Nguyễn Phú Tường L đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 108.823.041VNĐ. Bị cáo Võ Thị Mai P đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 108.823.041VNĐ. Bị cáo Phan Thị Kim H đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 108.823.041 VNĐ. Bị cáo Nguyễn Thị Phương L đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 108.823.041 VNĐ. Bị cáo Vòng Kim L đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 108.823.041 VNĐ. Bị cáo Nguyễn Thị H đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 98.767.349 VNĐ. Bị cáo Nguyễn Thành T đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 97.107.192 VNĐ. Bị cáo Trần Thị P đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 91.944.055 VNĐ. Bị cáo Lưu Ngọc G đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 89.953.979 VNĐ. Bị cáo Hà Bích N đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 89.640.836 VNĐ. Bị cáo Nông Thanh D đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 69.106.603 VNĐ. Bị cáo Hoàng Ngọc D đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 52.227.116 VNĐ. Bị cáo Lê Thị Như H đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 49.248.384 VNĐ. Bị cáo Trần Thị H 1 đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 49.248.384 VNĐ. Bị cáo Bùi Thị Huyền T đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 44.680.993 VNĐ. Bị cáo Nguyễn Hữu T đã giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền là 40.907.932 VNĐ.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Hoài T, Phạm Thị H, Chồng Ngọc P, Nguyễn Trung Đ, Vũ Thị Ngọc B, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Hương L, Phạm Quang A, Hoàng Thị Minh P, Trần Xuân C, Bàn Thị P, Hoàng Thị Tú A, Trần Thị H, Lê Thị Thu H, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn T, Nông Thị L, Đặng Văn N, Lê Hồng S, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quang H, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Phú Tường L, Võ Thị Mai P, Phan Thị Kim H, Nguyễn Thị Phương L, Vòng Kim L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thành T, Trần Thị P, Lưu Ngọc G, Hà Bích N, Nông Thanh D, Hoàng Ngọc D, Lê Thị Như H, Trần Thị H 1, Bùi Thị Huyền T, Nguyễn Hữu T, đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Hoài T, Phạm Thị H, Chồng Ngọc P, Nguyễn Trung Đ, Vũ Thị Ngọc B, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Hương L, Phạm Quang A, Hoàng Thị Minh P, Trần Xuân C, Bàn Thị P, Hoàng Thị Tú A, Trần Thị H, Lê Thị Thu H, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn T, Nông Thị L, Đặng Văn N, Lê Hồng S, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quang H, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Phú Tường L, Võ Thị Mai P, Phan Thị Kim H, Nguyễn Thị Phương L, Vòng Kim L, theo quy định tại khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự và truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thành T, Trần Thị P, Lưu Ngọc G, Hà Bích N, Nông Thanh D, Hoàng Ngọc D, Lê Thị Như H, Trần Thị H 1, Bùi Thị Huyền T, Nguyễn Hữu T theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm có tính chất giản đơn. Các đối tượng cho vay tiền là người Trung Quốc hiện nay chưa xác định được. Các bị cáo chỉ là người làm việc theo công việc nhất định và làm việc theo nhóm. Các nhóm làm việc ở các địa phương khác nhau, đều không biết nhau và không biết công việc của nhau chỉ biết trao đổi công việc với nhóm trưởng, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau. Các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội đồng

phạm với vai trò giúp sức, trong đó: Bị cáo Nguyễn Thị Hoài T, Chồng Ngọc P, Phạm Thị H là những người được các đối tượng Trung Quốc thuê thực hiện các công việc cụ thể quản lý nhóm giúp sức cho các đối tượng người Trung Quốc việc cho vay lãi nặng thu lợi bất chính. Do đó, các bị cáo Nguyễn Thị Hoài T, Phạm Thị H và Chồng Ngọc P phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án này. Các bị cáo, Nguyễn Trung Đ, Vũ Thị Ngọc B, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Hương L, Phạm Quang A, Hoàng Thị Minh P, Trần Xuân C, Bàn Thị P, Hoàng Thị Tú A, Trần Thị H, Lê Thị Thu H, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn T, Nông Thị L, Đặng Văn N, Lê Hồng S, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quang H, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Phú Tường L, Võ Thị Mai P, Phan Thị Kim H, Nguyễn Thị Phương L, Vòng Kim L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thành T, Trần Thị P, Lưu Ngọc G, Hà Bích N, Nông Thanh D, Hoàng Ngọc D, Lê Thị Như H, Trần Thị H 1, Bùi Thị Huyền T, Nguyễn Hữu T, là những người được các bị cáo Nguyễn Thị Hoài T, Chồng Ngọc P, Phạm Thị H tuyển dụng, phân công nhiệm vụ tìm kiếm, tư vấn, thẩm định hồ sơ vay và nhắc nợ, đòi nợ đối với các khoản vay đã giúp sức cho các đối tượng người Trung Quốc việc cho vay lãi nặng thu lợi bất chính. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là người giúp sức trong vụ án tương ứng với số tiền mà các bị cáo đã giúp sức thu lợi bất chính.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai nói riêng và trên phạm vi toàn quốc nói chung. Bản thân các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rất rõ việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật. Nhưng do muốn có tiền chi tiêu cá nhân các bị cáo đã không có ý thức chấp hành pháp luật, nên việc đưa các bị cáo ra xét xử trước pháp luật là cần thiết và phải xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, để cải tạo, giáo dục riêng đối với từng bị cáo, đồng thời góp phần phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Tình tiết tăng nặng: Không. Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Phạm Thị H, Bàn Thị P và Hà Bích N đang có thai. Các bị cáo Nguyễn Thị Hoài T, Phạm Thị H, Chồng Ngọc P, Vũ Thị Ngọc B, Nguyễn Trung Đ, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Hương L, Hoàng Thị Minh P, Trần Xuân C, Bàn Thị P, Lê Thị Thu H, Nguyễn Phú Tường L, Võ Thị Mai P, Phan Thị Kim H, Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Phương L, Vòng Kim L, Nông Thanh D, Hoàng Ngọc D, Trần Thị H 1, Lê Thị Như H đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền có trong tài khoản bị thu giữ để khắc phục hậu quả trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan toàn bộ khoản tiền các đối tượng người Trung Quốc đã thu lợi bất chính là 279.985.625VNĐ. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, là những người lao động chính trong gia đình, có nơi cư trú rõ ràng. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thế H, Nguyễn Thị Hương L có bà ngoại là Đặng Thị Nói được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Ba. Bị cáo Nguyễn Quang H có ông nội là Nguyễn Duy Cát, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất. Bị cáo Nguyễn Thị

Hoài T có ông ngoại Võ Ngay là Liệt sĩ. Bị cáo Vũ Thị Ngọc B có ông ngoại Phạm Văn Ngự là Liệt sĩ. Bị cáo Nguyễn Thành T có ông ngoại là Cao Văn Minh được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhì. Bị cáo Nguyễn Trọng N có ông nội là Nguyễn Văn Xiêm được tặng thưởng huân chương chống Mỹ hạng Ba. Bị cáo Trần Xuân C có ông nội là Trần Văn Bốn được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Ba. Bị cáo Hoàng Thị Tú A có ông ngoại là Nguyễn Đình Đức được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhì. Bị cáo Lê Thị Thu H có ông nội là Lê Văn Các được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Nhất. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo theo quy định tại các điểm b, i, s, n khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Hoài T, Phạm Thị H, Chổng Ngọc P là người giữ vai trò chính trong vụ án, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, góp phần phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Nguyễn Trung Đ, Vũ Thị Ngọc B, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Hương L, Phạm Quang A, Hoàng Thị Minh P, Trần Xuân C, Bàn Thị P, Hoàng Thị Tú A, Trần Thị H, Lê Thị Thu H, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn T, Nông Thị L, Đặng Văn N, Lê Hồng S, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quang H, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Phú Tường L, Võ Thị Mai P, Phan Thị Kim H, Nguyễn Thị Phương L, Vòng Kim L Nguyễn Thị H, Nguyễn Thành T, Trần Thị P, Lưu Ngọc G, Hà Bích N, Nông Thanh D, Hoàng Ngọc D, Lê Thị Như H, Trần Thị H 1, Bùi Thị Huyền T, Nguyễn Hữu T đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, tại nơi cư trú các bị cáo luôn chấp hành tốt nghĩa vụ công dân. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về việc đã giúp sức cho các đối tượng người Trung Quốc trong việc cho vay lãi nặng, thu lợi bất chính. Các bị cáo là những người trẻ tuổi, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, đối với các bị cáo không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần căn cứ vào vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã, phường nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, cũng như trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 và Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ điều kiện để cải tạo và giáo dục đối với các bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với các bị cáo được áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng việc khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này còn có một số tổ chức và cá nhân liên quan đến vụ án:

Đối với các đối tượng quốc tịch Trung Quốc gồm Trần, Dương, Đường, Qial Ia Yi là những người thành lập, quản lý và điều hành đối với 04 app vay tiền. Quá trình điều tra xác định toàn bộ quá trình các đối tượng người Trung Quốc quản lý, điều hành công việc với Nguyễn Thị Hoài T, Chổng Ngọc P, Phạm Thị H đều qua mạng xã hội Zalo, Wechat, Nguyễn Thị Hoài T, Chổng

Ngọc P, Phạm Thị H đều không rõ nhân thân, lai lịch của các đối tượng này nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ được để xử lý theo quy định.

Đối với Vũ Bảo Huy, được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ ngày 01/7/2022 với nhiệm vụ nhắc nợ khách hàng vay tiền trên app “Hitien”, mã nhân viên “Hi1”. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ trong thời gian làm việc xác định từ ngày 01/7/2022 đến hết ngày 12/7/2022, Vũ Bảo Huy đã giúp sức cho vay tổng số tiền 27.000.000VNĐ, giúp sức thu lợi bất chính tổng số tiền 6.751.795VNĐ, Vũ Bảo Huy chưa được thanh toán tiền lương, tiền thưởng hoa hồng.

Đối với Trương Thị Như Huyền, được Chồng Ngọc P nhận vào làm việc từ ngày 11/7/2022 với nhiệm vụ thẩm định, kiểm tra hồ sơ. Trương Thị Như Huyền chưa giúp sức cho vay, giúp sức thu lợi bất chính đối với cá nhân nào và cũng chưa được Chồng Ngọc P thanh toán tiền lương, tiền thưởng.

Đối với Nông Thị Thanh Hương, được Phạm Thị H nhận vào làm việc từ ngày 11/7/2022 với nhiệm vụ nhắc nợ khách hàng vay tiền trên app “Hvay”, mã nhân viên “H06”. Nông Thị Thanh Hương chưa giúp sức cho vay, giúp sức thu lợi bất chính đối với cá nhân nào và cũng chưa được Phạm Thị H thanh toán tiền lương, tiền thưởng.

Đối với Vũ Bảo Huy, được Phạm Thị H nhận vào làm việc nhiệm vụ nhắc nợ, thu hồi nợ, từ ngày 01/7/2022 đến ngày 12/7/2022. Vũ Bảo Huy chưa nhận thức được hoạt động của các app vay tiền cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Vũ Bảo Huy chưa được thanh toán tiền lương, tiền thưởng.

Đối với 11 đối tượng đã được Phạm Thị H tuyển dụng để làm việc nhắc nợ, thu nợ trên các app vay tiền tại số nhà 055, đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai gồm: Hà Công Hiếu; Đào Anh Tuấn; Sên Ngọc Thủy; Lương Thị Khuyên; Nguyễn Thị Ngọc Trâm, Lâm Thùy Dung, Hoàng Hữu Huy, Vi Thị Hợp, Giàng Văn Thiển, Bùi Kiều Trang, Sý Thị Hoán. Quá trình điều tra, không xác định được thời gian bắt đầu làm việc, thời gian nghỉ việc, công việc cụ thể của từng người cũng như thông tin đầy đủ về nhân thân, do vậy cơ quan điều tra không làm rõ được để xử lý theo quy định.

Đối với các phòng 601, 602 tầng 6 số nhà 055, đường Hoàng Văn Thụ, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Phạm Thị H đã sử dụng để làm văn phòng nhắc nợ, thu hồi nợ thuộc quyền sở hữu của ông Đỗ Văn Bình và ngôi nhà có địa chỉ số 354/89/26 Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Chồng Ngọc P đã sử dụng để làm văn phòng tìm kiếm, tư vấn, thẩm định vay nợ thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị Phương Linh. Quá trình điều tra xác định các căn nhà này do Phạm Thị H và Chồng Ngọc ký hợp đồng thuê nhà của chủ sở hữu và đã trả tiền thuê nhà đầy đủ. Việc các bị cáo Phạm Thị H và Chồng Ngọc P sử dụng 02 địa điểm thuê làm nơi để thực hiện hành vi phạm tội, ông Đỗ Văn Bình và bà Lê Thị Phương Linh không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Đỗ Văn Bình, bà Lê Thị Phương Linh.

Đối với các công ty trung gian có chức năng thu, chi hộ, gồm: Công ty TNHH dịch vụ cầm đồ North Mountain; Công ty TNHH Funmobi Việt Nam và các nhân viên công ty; Công ty Hưng Thịnh, công ty cổ phần kho số Việt Nam

và công ty Appotapay và số tiền 229.539.041VNĐ của công ty TNHH công nghệ FUNMOBI Việt Nam tại các tài khoản số 601704060705288 ngân hàng VIB, tài khoản số 116002687168, 119002859336, 112002822888, 114002832888 của ngân hàng Viettinbank, số 19131205556018 của ngân hàng Techcombank, số 0047041222666, số 0047041555999 của ngân hàng Bản Việt, số 0611001967830 của ngân hàng Vietcombank (*Số tiền này đã được phong tỏa theo quy định*). Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục tiến hành điều tra xác minh và xử lý theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp, nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3, Điều 201 Bộ luật hình sự.

[5] *Về vật chứng vụ án*: Các tài liệu và đồ vật Cơ quan điều tra đã thu giữ, trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã ban hành quyết định xử lý vật chứng, bàn giao các tài liệu có liên quan cho các cơ quan có thẩm quyền để xử lý và trả lại các đồ vật, tài sản cho chủ sở hữu do không liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án.

Vật chứng còn lại được chuyển theo hồ sơ vụ án gồm:

01 con dấu khắc chữ công ty TNHH giải pháp và công nghệ Hưng Phát; 01 thông báo về cơ quan thuế quản lý của phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai; 01 hợp đồng dịch vụ lập ngày 15/7/2021 giữa công ty TNHH giải pháp và công nghệ Hưng Phát và công ty TNHH dịch vụ tư vấn Việt Luật Hà Nội; 01 điều lệ công ty TNHH giải pháp và công nghệ Hưng Phát; 01 giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên mang tên Trần Tấn Chinh; 01 bản sao căn cước công dân số 079095003831 mang tên Trần Tấn Chinh; 21 bộ hồ sơ xin việc; 01 cuốn sổ bìa màu vàng; 01 con dấu màu đỏ của công ty công nghệ STARWIN; 01 thẻ Ngân hàng Techcombank mang tên Phạm Thị H; 01 thẻ ATM Techcombank số 9704079990420626; 10 quyển sổ các loại, đã qua sử dụng; 01 hợp đồng thuê nhà giữa bên thuê nhà Chổng Ngọc P và bên cho thuê Lê Thị Phương Linh; 01 thẻ ATM Vietcombank số 4524041859873773; 01 bì thư chứa nhiều thẻ, vỏ sim và sim điện thoại đã qua sử dụng; 10 quyển sổ các loại, đã qua sử dụng. Đây là vật chứng của vụ án, nhưng không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

01 máy chấm vân tay nhãn hiệu ZKTECO K21; 01 mắt camera ký hiệu ezviz, đã cũ, đã qua sử dụng; 72 điện thoại các loại và 42 máy tính xách tay và máy tính để bàn các loại, đã qua sử dụng. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 308.188.545VNĐ, tạm giữ từ tài khoản ngân hàng của các bị cáo Nguyễn Thị Hoài T, Phạm Thị H, Chổng Ngọc P, Vũ Thị Ngọc B, Nguyễn Trung Đ, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Hương L, Hoàng Thị Minh P, Trần Xuân C, Bàn Thị P, Lê Thị Thu H, Nguyễn Phú Tường L, Võ Thị Mai P, Phan Thị Kim H, Nguyễn Thị Phương L, Vòng Kim L, Nông Thanh D, Hoàng Ngọc D, Trần Thị H 1, Lê Thị Như H trong quá trình điều tra. Đây là số tiền các bị cáo được các đối tượng người Trung Quốc trả tiền lương, tiền thưởng, các bị cáo đã chi tiêu cá nhân còn lại. Tại phiên tòa các bị cáo có ý kiến tự nguyện chuyển toàn bộ khoản tiền có trong tài

khoản cá nhân còn lại để khắc phục hậu quả, hoàn trả toàn bộ số tiền các đối tượng Trung Quốc thu lợi bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và khoản tiền phải truy thu. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Phú Tường L đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000VNĐ, bị cáo Nguyễn Quang H đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000VNĐ để khắc phục hậu quả. Do đó, tiếp tục tạm giữ để thực hiện thi hành án khoản tiền phải truy thu đối với các bị cáo.

Đối với số tiền các đối tượng người Trung Quốc cho 08 người vay, nhưng những người vay chưa trả là 23.515.500VNĐ. Đây là phương tiện phạm tội, nên cần truy thu của những người vay, đang quản lý số tiền này để nộp vào ngân sách nhà nước.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Đối với số tiền lãi suất các đối tượng người Trung Quốc thu lợi bất chính của 24 người vay vượt quá quy định 20%/năm là 279.985.625VNĐ. Trong vụ án này, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được các đối tượng người Trung Quốc cho là người cho vay, đã tách ra để điều tra làm rõ và xử lý sau. Tuy nhiên, đối với 38 bị cáo trong vụ án này đã được các đối tượng người Trung Quốc trả tiền lương, tiền thưởng khi giúp sức thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, khi truy thu khoản tiền này nộp vào ngân sách cần trích ra thực hiện hoàn trả cho những người vay theo số tiền của từng người bị chiếm đoạt là phù hợp với khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Hoài T, Phạm Thị H, Chổng Ngọc P, Nguyễn Trung Đ, Vũ Thị Ngọc B, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Hương L, Phạm Quang A, Trần Xuân C, Hoàng Thị Minh P, Bàn Thị P, Hoàng Thị Tú A, Trần Thị H, Lê Thị Thu H, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn T, Nông Thị L, Đặng Văn N, Lê Hồng S, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quang H, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Phú Tường L, Võ Thị Mai P, Phan Thị Kim H, Nguyễn Thị Phương L, Vòng Kim L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thành T, Trần Thị P, Hà Bích N, Lưu Ngọc G, Nông Thanh D, Hoàng Ngọc D, Lê Thị Như H, Trần Thị H 1, Bùi Thị Huyền T, Nguyễn Hữu T, phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 38; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoài T 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo Nguyễn Thị Hoài T được khấu trừ 05 tháng 25 ngày tạm giữ, tạm giam.

Xử phạt bị cáo Chổng Ngọc P 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo Chổng Ngọc P được khấu trừ 05 tháng 25 ngày tạm giữ, tạm giam.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 38; điểm b, i, s, n khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo Phạm Thị H được khấu trừ 05 tháng 24 ngày tạm giữ, tạm giam.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Trung Đ cho Ủy ban nhân dân phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Ngọc B 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vũ Thị Ngọc B cho Ủy ban nhân dân thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Q 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Thị Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hương L 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Hương L cho Ủy ban nhân dân phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Quang A 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Quang A cho Ủy ban nhân dân phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Minh P 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Thị Minh P cho Ủy ban nhân dân phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân C 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Xuân C cho Ủy ban nhân dân xã Cốc San, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm b, i, s, n khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bàn Thị P 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bàn Thị P cho Ủy ban nhân dân xã Đại Sơn, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giám sát và giáo dục.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tú A 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Thị Tú A cho Ủy ban nhân dân Xã B, huyện B, tỉnh L giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thế H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Nông Thị L 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Thị L cho Ủy ban nhân dân phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn N 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đặng Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Lê Hồng S 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Hồng S cho Ủy ban nhân dân phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Trọng N cho Ủy ban nhân dân phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị

cáo Nguyễn Quang H cho Ủy ban nhân dân phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Xuân T cho Ủy ban nhân dân phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 65; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú Tường L 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Phú Tường L cho Ủy ban nhân dân phường 4, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Mai P 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Võ Thị Mai P cho Ủy ban nhân dân xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Kim H 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phan Thị Kim H cho Ủy ban nhân dân xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận, giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương L 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Phương L cho Ủy ban nhân dân phường 06, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục.

Xử phạt bị cáo Vòng Kim L 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vòng Kim L cho Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng giám sát và giáo dục.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm i, s, khoản 1, 2, Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 02 năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Cốc San, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Cốc San, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 02 năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Thành T cho Ủy ban nhân dân phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Trần Thị P 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Trần Thị P cho Ủy ban nhân dân phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc G 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Lưu Ngọc G cho Ủy ban nhân dân phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm i, s, n khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Bích N 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Hà Bích N cho Ủy ban nhân dân phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Thanh D 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nông Thanh D cho Ủy ban nhân dân xã Tân Dương, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Tân Dương, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc D 01 năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Hoàng Ngọc D cho Ủy ban nhân dân phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Như H 01 năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Lê Thị Như H cho Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 1 01 năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Trần Thị H 1 cho Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng giám sát và giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Huyền T 01 năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Bùi Thị Huyền T cho Ủy ban nhân dân xã Tả Phời, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Tả Phời, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 01 năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho Ủy ban nhân dân phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm a, b, khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1; điểm a, b, c, khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị Hoài T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu đỏ, số IMEI: 356419100578733, kèm 02 sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 6 màu bạc, số IMEI: 354429062813814, kèm 01 sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Mobell màu đỏ, số IMEI 1: 810201601164761, số IMEI 2: 810202601164769, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen, đã qua sử dụng; 01 máy tính Lenovo, mã 33014IKB, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu ghi, mã máy: E8NOCX18673832B, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị Hoài T: 01 cuốn sổ tay có bìa màu vàng; 01 con dấu màu đỏ của Công ty Công nghệ thông tin STARWIN; 01 thẻ Ngân hàng Techcombank mang tên Phạm Thị H, để tiêu hủy.

Tịch thu của bị cáo Chổng Ngọc P: 01 máy tính laptop ASUS X509FA-EJ871T màu trắng bạc, đã qua sử dụng; 05 điện thoại di động đen trắng nhãn hiệu NOKIA (không pin, không sim), để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Chổng Ngọc P: 01 cuốn sổ bìa màu đen bên ngoài ghi chữ và số CK8; 01 cuốn sổ màu hồng nhạt và tím, ngoài bìa ghi tiếng, chữ Trung Quốc, bên trong có 19 trang đã viết chữ và số; 01 thẻ ATM Vietcombank số 4524041859873773; 01 hợp đồng thuê nhà giữa bên thuê nhà Chổng Ngọc P và bên cho thuê Lê Thị Phương Linh; 01 bì thư chứa nhiều thẻ, vỏ sim và sim điện thoại đã qua sử dụng, để tiêu hủy.

Tịch thu của bị cáo Phạm Thị H: 01 điện thoại Samsung Galaxy S10+, IMEI 1: 357285107861391, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Masstel, IMEI 1: 353872083625918, mất nắp lưng, đã qua sử dụng.

Tịch thu của bị cáo Phạm Thị H: 01 con dấu khắc chữ công ty TNHH Giải pháp và công nghệ Hưng Phát; 01 thông báo về cơ quan thuế quản lý do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai; 01 hợp đồng dịch vụ lập ngày 15/7/2021 giữa Công ty TNHH giải pháp và công nghệ Hưng Phát và Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Việt Luật Hà Nội; 01 điều lệ công ty TNHH Giải pháp và công nghệ Hưng Phát; 01 giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mang tên Trần Tấn Chinh; 01 bản sao thẻ căn cước công dân số 079095003831 mang tên Trần Tấn Chinh; 21 bộ hồ sơ xin việc; 01 Thẻ

ATM Techcombank số 9704079990420626; 08 quyển sổ các loại, đã qua sử dụng, để tiêu hủy.

Tịch thu của bị cáo Trần Thị H 1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu tím, số IMEI 353974103291349 kèm 1 sim, đã qua sử dụng; 01 máy tính laptop HP màu đen, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Lê Thị Như H: 01 máy tính laptop nhãn hiệu DELL Latitude E6230 màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Mobell màu đỏ, IMEI 1: 810201601489093, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Redmi model M2006C3MG màu đen, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Vòng Kim L: 01 máy tính xách tay, hiệu Acer màu đen, Model: N16Q2, số S/N: NXGE68V01071221F567600, đã qua sử dụng; 01 máy tính Laptop Lenovo màu xám bạc, số SN: PF17EGHW, đã qua sử dụng; 01 máy tính HP màu trắng bạc, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Mobell màu đen, IMEI: 810201600750446, bên trong lắp 02 sim, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Võ Thị Mai P: 01 máy tính xách tay hiệu Laptop Lenovo màu bạc 330-14IKB, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Phan Thị Kim H: 01 máy tính xách tay Lenovo màu bạc, số S/N: PF17GLNN, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Mobell màu xanh, số IMEI: 810201601059987, kèm 02 sim, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị Phương L: 01 máy tính xách tay: nhãn hiệu DELL, màu đen, cũ mờ không rõ thông số, đã qua sử dụng; 01 điện thoại ITEL màu đen, số IMEI 1: 358625106400684, số IMEI 2: 358625106400692, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Phú Tường L: 01 Laptop Dell Vostro, số seri 6W9NX32, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Mobell (loại bàn phím), IMEI 1: 810201600350064, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Hoàng Thị Tú A: 01 điện thoại Iphone 12, IMEI 1: 359173732052081 kèm 01 sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel, IMEI 1: 353872083613930 kèm 01 sim, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Hữu T: 01 điện thoại Samsung Galaxy S9+ kèm 01 thẻ sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại màu đen đã qua sử dụng, hiệu Mobell, có Imei1: 830011600421039; kèm 02 sim, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Xuân T: 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh, IMEI: 353889107159955; kèm 01 sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Mobell màu đen, model C206, số IMEI: 830011600456613; kèm 01 sim, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Lê Thị Q: 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max, màu xám, số IMEI: 352855111936705, bên trong có lắp 01 thẻ sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell (loại bàn phím) màu tím, kèm 02 sim, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Hoàng Ngọc D: 01 điện thoại Iphone XS max màu đen, số seri C39XV1JGKPHC, kèm 01 sim, đã qua sử dụng, mặt sau điện thoại bị vỡ; 01 điện thoại Samsung Galaxy J5 màu trắng, đã qua sử dụng, máy không lên nguồn; 01 điện thoại Nokia màu đen 1304 loại bàn phím, không kiểm tra máy, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thành T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đỏ, số Imei: 356563101611785, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh, trắng, số IMEI: 353872081854395; kèm 02 thẻ sim, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Trần Thị H: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A52S5G, số sê-ri: R5CRC0M8YHL màu trắng, kèm 01 sim, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu trắng-đen, kèm 02 sim, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Trung Đ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax, màu đen, số Imei: 35283911571180, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu xanh đen, số Imei: 810153600039138, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thế H: 01 điện thoại Iphone 11 màu đen, số IMEI 353967103293042, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Mobell màu xanh đen, số IMEI 810201601199585, bên trong lắp 02 sim, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Vũ Thị Ngọc B: 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu xám, IMEI: 353895103308983, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Mobell (loại bàn phím), IMEI 1: 830011600456647, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Phạm Quang A: 01 điện thoại di động Oppo Reno 2F màu xanh tím, số imei 1: 869563045809958, đã qua sử dụng, vỡ nứt mặt sau lưng máy; 01 điện thoại di động Masstel màu xanh trắng, số Imei1: 353872085219637, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị Hương L: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X, số Imei: 354866093852768, kèm 01 sim, đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 pro max, số Imei: 352894102597290 kèm 01 sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Nokia, số IMEI: 359299046418088, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nông Thanh D: 01 điện thoại Iphone XS Max, màu gold, số IMEI : 35 729209 367031 5, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Mobell màu đen số IMEI: 35387208369596, kèm 02 sim, đã qua sử dụng, mặt sau điện thoại bị vỡ, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Lê Thị Thu H: 01 điện thoại Iphone 12 Promax, IMEI: 354419336145937, gắn 01 sim Viettel, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Mobell C206 màu đen, số IMEI: 8300126004445580, kèm 02 sim, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Hoàng Thị Minh P: 01 điện thoại Iphone 11 pro max màu trắng, số seri: G6TZD8YKN6YY, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu

Mobell màu đen số Imel: 830011600456621, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Bàn Thị P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số IMEI 869115045038631, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Trần Xuân C: 01 điện thoại Samsung Galaxy S9+ màu đen, lắp 01 sim Viettel, đã qua sử dụng, không lên nguồn; 01 điện thoại Mobell (loại bàn phím), IMEI 1: 810201600350064, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Mobell màu đen số IMEI: 35387208369596; kèm 02 sim, đã qua sử dụng, mặt sau điện thoại bị vỡ, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Lưu Ngọc G: 01 điện thoại Iphone XS max màu đen, kèm 01 sim, đã qua sử dụng, máy không lên nguồn, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị H: 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu vàng, số IMEI 1: 353237107058746, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Đặng Văn N: 01 điện thoại Iphone 6S plus màu xám, đã qua sử dụng, máy không lên nguồn, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Trọng N: 01 điện thoại Iphone 6 màu xám bạc, máy vỡ màn hình, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn T: 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max màu vàng, số IMEI: 352851111550794, kèm 01 sim, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Trần Thị P: 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max màu xanh, số IMEI: 353894104216022, kèm 01 sim, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Bùi Thị Huyền T: 01 điện thoại Iphone 11 Pro max màu xám, gắn 01 sim, số seri: 89840488510022838132, đã qua sử dụng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Lê Hồng S: 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh, kèm 01 sim, đã qua sử dụng, máy không lên nguồn, để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu toàn bộ số vật chứng còn lại trong vụ án Nguyễn Thị Hoài T và đồng phạm sung vào ngân sách nhà nước gồm: 05 máy điện thoại đen trắng các loại, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone XS Max, màu gold, số IMEI: 357292093670315, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Nokia 101, số IMEI 1: 359299/04/642942/4 kèm 01 sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, số IMEI 358372048357959, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Mobell, không lắp pin và phần vỏ sau, kèm theo 02 sim điện thoại, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Mobell màu đỏ, số IMEI 2: 810202601485602 kèm 02 sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Mobell màu đen xanh than, số IMEI 1: 810201601433414 kèm 02 sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Mobell, số IMEI 1: 810...120, số IMEI 2: 810...128; đã cũ, đã qua sử dụng; 01 điện thoại ITEL, số IMEI 1: 358...664, số IMEI 2: 358...672; 01 máy chấm vân tay nhãn hiệu: ZKTECO K21, đã qua sử dụng; 01 mắt camera có ký hiệu: ezviz, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 máy tính Lenovo, mã 33014IKB, đã qua sử dụng; 01 máy tính Great Wall màu trắng, số mã vạch: A2206PHM87K1028106, đã qua sử dụng; 01 máy

tính Great Wall màu trắng, số mã vạch: A2206PHM87K1028124, đã qua sử dụng; 01 máy tính Great Wall màu trắng, số mã vạch: A2206PHM87K1028108, đã qua sử dụng; 01 máy tính Great Wall màu trắng, số mã vạch: A2206PHM87K1028013, đã qua sử dụng; 01 máy tính máy laptop Acer màu ghi, số S/N: NXM RUC N001513124557600, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay HP màu ghi, số serial: CND4264TCS, đã qua sử dụng; 01 máy tính HP màu bạc, có thông số S/N: #5CG9527DN9, đã qua sử dụng; 01 máy tính Lenovo màu đen, số SN: PF1KHTZE, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo Idea pad màu đen 14IKB, SN: PF1EN1LJ – MTM81G2007AVN, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay hiệu Dell màu đen bạc, có thông số: 11546501327, đã qua sử dụng; 01 máy tính Great Wall màu trắng, Modell: A2206PHM87K1028107, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay hiệu Laptop Lennovo màu bạc 330-14IKB, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay HP 348G5 (7XJ62PA) màu bạc, đã qua sử dụng; 01 máy tính GREAT-WALL màu trắng, mã máy: A2206PHM87K1028117, đã qua sử dụng; 01 máy tính GREAT-WALL màu trắng, mã máy: A2206PHM87K1028129, đã qua sử dụng; 01 máy tính GREAT-WALL màu trắng, mã A2206PHM87K1028125, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu ghi, cũ mờ không rõ thông số, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu LENOVO màu đen, mã máy: PF1DR7VV, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay HP màu bạc, cũ, mờ không thấy thông số, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo màu đen, có số SN: YB04572320, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu Dell màu đen, có số S/N: 46H9BR1, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu Lenovo màu đen, có số S/N: PF1EFN2N, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu Lennovo màu đen, có số S/N: PF1DR7WO, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay HP 384G5 màu bạc, có số Serial: B00502010, đã qua sử dụng; 01 laptop ASUS VIVO BOOK màu ghi xám, model A415E, đã qua sử dụng; 01 máy tính nhãn hiệu Great Wall màu trắng, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo màu đen, có mã số PF9XB8916057, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu bạc, có mã số N1N0LP01828501D, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 Laptop Dell Vostro, số seri 6W9NX32, đã qua sử dụng; 01 máy tính laptop Dell Latitude 5300, số seri 7WKPWZ2, đã qua sử dụng; 01 máy tính laptop HP 348 G5 màu bạc, đã qua sử dụng. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/7/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai)*

Truy thu và tịch thu của 38 bị cáo số tiền được các đối tượng người Trung Quốc trả tiền lương và trả tiền thưởng tổng cộng là 3.556.987.253VNĐ. Số tiền này được thực hiện hoàn trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án số tiền là 279.985.625VNĐ. Số tiền còn lại là 3.277.001.628VNĐ sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể: Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Hoài T số tiền 300.000.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Phạm Thị H số tiền 270.000.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Chông Ngọc P số tiền 270.000.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Vũ Thị Ngọc B số tiền 124.219.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Nguyễn Trung Đ số tiền 189.779.624VNĐ. Truy thu của bị cáo Lê Thị Q số tiền 111.366.032VNĐ. Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Hương L số tiền 116.314.761VNĐ. Truy thu của bị cáo Phạm Quang A số tiền 100.000.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Hoàng Thị

Minh P số tiền 141.023.954VNĐ. Truy thu của bị cáo Trần Xuân C số tiền 166.770.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Bàn Thị P số tiền 165.332.031VNĐ. Truy thu của bị cáo Hoàng Thị Tú A số tiền 115.228.082VNĐ. Truy thu của bị cáo Trần Thị H số tiền 129.094.635VNĐ. Truy thu của bị cáo Lê Thị Thu H số tiền 66.055.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Nguyễn Thế H số tiền 64.446.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 117.700.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Nông Thị L số tiền 82.411.392VNĐ. Truy thu của bị cáo Đặng Văn N số tiền 113.568.144VNĐ. Truy thu của bị cáo Lê Hồng S số tiền 122.611.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Nguyễn Trọng N số tiền 59.900.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Nguyễn Quang H số tiền 81.547.993VNĐ. Truy thu của bị cáo Nguyễn Xuân T số tiền 24.634.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Nguyễn Phú Tường L số tiền 50.381.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Võ Thị Mai P số tiền 32.944.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Phan Thị Kim H số tiền 30.100.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Phương L số tiền 53.596.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Vòng Kim L số tiền 35.000.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 41.592.175VNĐ. Truy thu của bị cáo Nguyễn Thành T số tiền 28.800.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Trần Thị P số tiền 32.590.267VNĐ. Truy thu của bị cáo Lưu Ngọc G số tiền 83.459.846VNĐ. Truy thu của bị cáo Hà Bích N số tiền 123.234.980VNĐ. Truy thu của bị cáo Nông Thanh D số tiền 22.457.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Hoàng Ngọc D số tiền 13.726.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Lê Thị Như H số tiền 29.238.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Trần Thị H 1 số tiền 25.444.000VNĐ. Truy thu của bị cáo Bùi Thị Huyền T số tiền 11.227.337VNĐ. Truy thu của bị cáo Nguyễn Hữu T số tiền 11.195.000VNĐ và tịch thu số tiền 70.343.235VNĐ trong tài khoản ngân hàng Techcombank số 1903604146018 mang tên Phạm Thị H.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 308.188.545VNĐ được tạm giữ từ tài khoản ngân hàng của các bị cáo (*Số tiền đã được các ngân hàng trích chuyển vào tài khoản tạm giữ của Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai số 3949.0.9049863 mở tại kho bạc nhà nước tỉnh Lào Cai*) và số tiền 50.000.000VNĐ bị cáo Nguyễn Phú Tường L và bị cáo Nguyễn Quang H đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả, để đảm bảo thi hành án các khoản tiền phải truy thu, cụ thể là: Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hoài T số tiền 127.448.000VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Phạm Thị H số tiền 8.558.723VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Chổng Ngọc P số tiền 38.951.398VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Vũ Thị Ngọc B số tiền 2.898.347VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Trung Đ 3.161.236VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Lê Thị Q 7.658.575VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Hương L 2.523.000VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Hoàng Thị Minh P 1.438.767VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Trần Xuân C 1.898.205VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Bàn Thị P 6.220.000VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Lê Thị Thu H 566.562VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Phú Tường L 150.028VNĐ và số tiền 30.000.000VNĐ theo biên lai thu tiền số 0000836 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Tạm giữ của bị cáo Võ Thị Mai P 781.210VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Phan Thị Kim H 2.166.869VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Phương L 1.065.948VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Vòng Kim L 3.880.041VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Nông Thanh D 11.011.763VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Hoàng Ngọc D 5.412.529VNĐ. Tạm giữ

của bị cáo Lê Thị Như H 10.107.145VNĐ. Tạm giữ của bị cáo Trần Thị H 1 1.038.902VNĐ và tạm giữ của bị cáo Nguyễn Quang H 20.000.000VNĐ theo biên lai thu tiền số 0000835 ngày 13/9/2023 của Chi cục Thi hành án thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Truy thu số tiền 23.515.000VNĐ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã vay các khoản tiền chưa thanh toán, để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể: Truy thu của Nguyễn Quang H số tiền 3.349.000VNĐ. Truy thu của Nguyễn Đình T số tiền 3.045.000VNĐ. Truy thu của Trương Văn T số tiền là 1.797.000VNĐ. Truy thu của Đình Thị K số tiền là 4.193.000VNĐ. Truy thu của Nông Thị L số tiền 3.045.000VNĐ. Truy thu của của Nguyễn Mạnh L số tiền 4.193.000VNĐ. Truy thu của của Đình Mạnh C số tiền là 1.797.000VNĐ. Truy thu của Vũ Thị H số tiền 2.096.500VNĐ.

Về tránh nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 463; khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trích một phần trong số tiền 308.188.545VNĐ đã tạm giữ của các bị cáo để hoàn trả lại cho 22 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tổng số tiền là 279.985.625VNĐ, cụ thể: Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Quang H số tiền 6.943.288VNĐ. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đình T số tiền 5.807.466VNĐ. Hoàn trả lại cho anh Ngô Viết H số tiền 5.957.466VNĐ. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích N số tiền 7.943.288VNĐ. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đắc C số tiền 13.192.247VNĐ. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 22.241.205VNĐ. Hoàn trả lại cho chị Hoàng Thị H số tiền 2.581.568VNĐ. Hoàn trả lại cho chị Vũ Thị H số tiền 7.944.288VNĐ. Hoàn trả lại cho cho anh Trần Thế T số tiền 23.780.760VNĐ. Hoàn trả lại cho anh Vũ Văn K số tiền 5.807.466VNĐ. Hoàn trả lại cho chị Đình Thị K số tiền 50.784.205VNĐ. Hoàn trả lại cho chị Nông Thị L số tiền 5.807.466VNĐ. Hoàn trả lại cho chị Tàn Thị Kim O số tiền 15.886.576VNĐ. Hoàn trả lại cho anh Lê Văn N số tiền 694.329VNĐ. Hoàn trả lại cho anh Lục Hà N số tiền 6.045.740VNĐ. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Mạnh L số tiền 70.297.596VNĐ. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị C số tiền 1.191.493VNĐ. Hoàn trả lại cho anh Phạm Đăng Q số tiền 1.191.493VNĐ. Hoàn trả lại cho chị Vũ Thị H số tiền 5.830.884VNĐ. Hoàn trả lại cho anh Đỗ Toàn T số tiền 15.886.575VNĐ. Hoàn trả lại cho anh Đậu Phương B số tiền 1.191.493 VNĐ. Hoàn trả lại cho anh Võ Nguyễn Hoàng P số tiền 2.978.733VNĐ.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Hoài T, Phạm Thị H, Chổng Ngọc P, Nguyễn Trung Đ, Vũ Thị Ngọc B, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Hương L, Phạm Quang A, Trần Xuân C, Hoàng Thị Minh P, Bàn Thị P, Hoàng Thị Tú A, Trần Thị H, Lê Thị Thu H, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn T, Nông Thị L, Đặng Văn N, Lê Hồng S, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quang H, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Phú Tường L, Võ Thị Mai P, Phan Thị Kim H, Nguyễn Thị Phương L, Vòng Kim L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thành T, Trần Thị P, Hà Bích N, Lưu Ngọc G, Nông Thanh D, Hoàng Ngọc D, Lê Thị Như H, Trần Thị H 1, Bùi Thị Huyền T, Nguyễn Hữu T mỗi bị cáo phải chịu 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng) khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND thành phố Lào Cai (02);
- Công an thành phố Lào Cai;
- Chi cục THA dân sự thành phố Lào Cai;
- Bị cáo (38); Người liên quan (24);
- Lưu HS; HSTHA;
- Sở Tư Pháp;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lào Cai;
- UBND các xã, phường nơi có bị cáo được hưởng án treo, và nơi có bị cáo áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ (35).

Bùi Ngọc Thanh